

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)*

*Tháng 4 năm 2021*

ĐỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động  
của Công ty cổ phần 397

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số: .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

(Có Điều lệ kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành, các cổ đông, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BGD;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TCLĐ. T15.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**MỤC LỤC**  
**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1.** Giải thích thuật ngữ

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2.** Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

**Điều 3.** Người đại diện theo pháp luật của Công ty

**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4.** Mục tiêu hoạt động của Công ty

**Điều 5.** Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

**IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

**Điều 6.** Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

**Điều 7.** Chứng nhận cổ phiếu

**Điều 8.** Chứng chỉ chứng khoán khác

**Điều 9.** Chuyển nhượng cổ phần

**Điều 10.** Thu hồi cổ phần

**V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

**Điều 11.** Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

**VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 12.** Quyền của cổ đông

**Điều 13.** Nghĩa vụ của cổ đông

**Điều 14.** Đại hội đồng cổ đông

**Điều 15.** Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

**Điều 16.** Đại diện theo ủy quyền

**Điều 17.** Thay đổi các quyền

**Điều 18.** Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

**Điều 19.** Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

**Điều 20.** Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

**Điều 21.** Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

**Điều 22.** Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

**Điều 23.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

**Điều 24.** Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 25.** Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

**Điều 26.** Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

**Điều 27.** Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

**Điều 28.** Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

**Điều 29.** Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Điều 30.** Cuộc họp của Hội đồng quản trị

**Điều 31.** Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

**Điều 32.** Người phụ trách quản trị công ty

## **VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 33.** Tổ chức bộ máy quản lý

**Điều 34.** Người điều hành doanh nghiệp

**Điều 35.** Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 36.** Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

**Điều 37.** Kiểm soát viên

**Điều 38.** Ban kiểm soát

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 39.** Trách nhiệm cẩn trọng

**Điều 40.** Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

**Điều 41.** Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

**Điều 42.** Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

**Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

**XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

**XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

**Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

**Điều 46. Năm tài chính**

**Điều 47. Chế độ kế toán**

**XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

**Điều 49. Báo cáo thường niên**

**XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 50. Kiểm toán**

**XVII. DẤU CỦA CÔNG TY**

**Điều 51. Dấu của Công ty**

**XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

**Điều 53. Gia hạn hoạt động**

**Điều 54. Thanh lý**

**XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

**XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**Điều 56. Điều lệ công ty**

**XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 57. Ngày hiệu lực**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đông Triều, ngày ... tháng 4 năm 2020*

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần 397, tổ chức vào ngày 16 tháng 4 năm 2021 nhất trí thông qua; các cổ đông của Công ty cam kết thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ này.

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;

h. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

i. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

m. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên của công ty:

- Tên gọi bằng tiếng Việt Nam: Công ty Cổ phần 397.

- Viết tắt: Công ty 397.

- Tên tiếng Anh: 397 Joint Stock Company

- Tên viết tắt: 397 JSC.

2. Trụ sở chính của công ty:

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0203.2211.329; Fax: 0203.3871.299.

Email: ctycophan397@gmail.com

3. Logo Công ty:



4. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước. Công ty chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính. Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập định kỳ các quý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Công ty là công ty con của Tổng công ty Đông Bắc, do Tổng công ty chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tổng công ty, thông qua quyền sở hữu tài nguyên, trữ lượng than của Tổng công ty giao cho Công ty quản lý, khai thác, vận tải và các công đoạn sản xuất, kinh doanh khác theo hợp đồng và thương hiệu của Tổng công ty hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

6. Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tổng công ty phù hợp Điều lệ của Tổng công ty và các quy chế quản lý trong nội bộ Tổng công ty mà Công ty là một thành viên.

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi phải chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm các ngành sau:



STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Khai thác và thu gom than bùn	0892
4	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
6	Sửa chữa thiết bị khác	3319
7	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
8	Vận tải đường ống	4940
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Xây dựng công trình công ích	4220
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho công ty, đảm bảo khai thác, sử dụng có hiệu quả nhất tiền vốn, nguồn tài nguyên quốc gia và các nguồn lực khác, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần (năm triệu cổ phần), mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng (mười nghìn đồng Việt Nam).

Trong đó:

- Cổ phần của Tổng công ty Đông Bắc: 2.550.000 cổ phần (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn cổ phần), trị giá 25.500.000.000 đồng (hai mươi năm tỷ năm trăm triệu đồng Việt Nam), chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

- Các cổ đông thể nhân sở hữu 2.450.000 cổ phần (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn cổ phần), trị giá 24.500.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ, năm trăm triệu đồng Việt Nam), tương ứng 49% vốn điều lệ. Trong đó:

+ Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành: 1.000.000 cổ phần (một triệu cổ phần), trị giá 10.000.000.000 (mười tỷ đồng Việt Nam), chiếm 20% vốn điều lệ.

+ Công ty cổ phần xây dựng thương mại và du lịch Thổ Huân: 573.100 cổ phần (năm trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm cổ phần), trị giá 5.731.000.000 (năm tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu đồng Việt Nam), chiếm 11,462 % vốn điều lệ.

+ Các nhà đầu tư khác: 250.000 cổ phần (hai trăm năm mươi nghìn cổ phần), trị giá 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng Việt Nam), chiếm 5,0 % vốn điều lệ

+ Người lao động của công ty: 626.900 cổ phần (sáu trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm cổ phần), trị giá 6.269.000.000 (sáu tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu đồng Việt Nam), chiếm 12,538 % vốn điều lệ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ

trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan, cộng với tiền lãi theo mức lãi suất cho vay cao nhất của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Giám đốc công ty

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh

toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

k) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác như: Cổ đông ưu đãi, cổ đông ưu đãi biểu quyết, cổ đông ưu đãi cổ tức, cổ đông ưu đãi hoàn lại thực hiện theo Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119 Luật doanh nghiệp; Điều 4 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Nghĩa vụ cổ đông phổ thông:

a. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua, cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

c. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

đ. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

e. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

g. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết, cổ đông ưu đãi cổ tức, cổ đông ưu đãi hoàn lại có nghĩa vụ theo Điều 119 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ những trường hợp quy định sau:

a. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế;

b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 114 và khoản 6 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm



tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường

hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp *chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày* trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết

của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra



hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

#### **Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường

hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết..

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.”.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu..

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng *tiếng nước ngoài* và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý

kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;

- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục..

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành

viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập theo tỷ lệ và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền



lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội

đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán..

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

#### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;  
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải

được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu

tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có

hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó



giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

#### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

#### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 01/12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban

kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3 *Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.:*

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

**Điều 38. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

g. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

h. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu

hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.--> Bổ sung thêm 01 Điều về vấn đề này

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.--> Bổ sung thêm 01 Điều về vấn đề này

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty,

bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông

và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các



thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

##### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo

cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 51. Dấu của Công ty**

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 53. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 56. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp

có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397 nhất trí thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại Công ty cổ phần 397 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất, chính thức của Công ty và thay thế cho Điều lệ đã ban hành trước đây.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
Trần Văn Chính



# BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN 397

(Đính kèm theo Tờ trình 07/2021/TTTr-HĐQT ngày ...../03/2021 của Hội đồng quản trị)

- I. Mục đích sửa đổi**  
Nhằm xây dựng hoàn thiện bản Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019
- II. Căn cứ pháp lý và giải thích**
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
  - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019);
  - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “**Điều lệ hiện hành**” là các dòng chữ được thể hiện dưới dạng gạch chân;
  - Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại mục “**Đề xuất sửa đổi, bổ sung**” là phần in nghiêng và/hoặc được đặt trong ngoặc kép (“ ”).
- III. Nội dung sửa đổi, bổ sung**

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
<b>Phần mở đầu</b>	Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần 397, tổ chức vào ngày 15 tháng 5 năm 2021 nhất trí thông qua.	Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần 397, tổ chức vào ngày 16 tháng 4 năm 2021 nhất trí thông qua.	Theo thực tế ngày (dự kiến) Đại hội đồng cổ đông và thông qua Điều lệ
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	Quy định hiện tại đang dẫn chiếu tới Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán cũ đã hết hiệu lực.	Thay đổi số hiệu, bổ sung dẫn chiếu của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán mới, bổ sung thêm các thuật ngữ: “ <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> ”; “ <i>Cổ đông sáng lập</i> ”; “ <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> ”	Thay đổi, điều chỉnh số hiệu điều luật và số hiệu của văn bản luật cho phù hợp với luật mới.
<b>Khoản 5 Điều 6</b>	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông	Khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020



Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Khoản 6 Điều 6	<p>không đăng ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp có phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</u></p>	<p>không đăng ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>Bổ nội dung gạch chân và sửa lại thành  <b>"6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành."</b></p>	<p>Điều 36 Luật Chứng khoán 2019, công ty không được mua cổ phiếu của chính công ty phát hành để làm cổ phiếu quỹ</p>
Khoản 2 Điều 7	<p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. <u>Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p><b>"2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn có của công ty phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp."</b></p>	<p>Khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC</p>
Khoản 4 Điều 7	<p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p><b>"4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</b>  <b>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</b>  <b>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới."</b></p>	<p>Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
Khoản 2 Điều 12		<p>Bổ sung thêm một số quyền hạn cho cổ đông  <b>"k) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại</b></p>	<p>Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Điều 271 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
<p><b>Khoản 4 Điều 12</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhân bản sao hoặc bản trích danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; văn đề căn kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ phần của chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; văn đề căn kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng</p>	<p>cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp."</p>	<p>Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
		<p>tình loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."</p>	
<p><b>Khoản 5 Điều 12</b></p>	<p>Chưa có</p>	<p>Bổ sung thêm khoản 5 Điều 12</p> <p>"5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử."</p>	<p>Khoản 1, 2 và 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Khoản 1 Điều 13</b></p>	<p>1. Nghĩa vụ cổ đông phổ thông:</p> <p>a. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax,</li> </ul>	<p>Sắp xếp lại trình tự Khoản 1 Điều 13 Điều lệ hiện hành và Bổ sung thêm các quyền của cổ đông về quyền bảo mật thông tin, không được rút vốn như sau:</p> <p>"1. Nghĩa vụ cổ đông phổ thông:</p> <p>a. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua, cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và</p>	

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
<p>thư điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</li> <li>- Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</li> <li>- Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</li> </ul> <p>c. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm pháp luật;</li> <li>- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</li> </ul>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>c. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>d. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>đ. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>e. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ul> <p>f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm pháp luật;</li> <li>- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</li> </ul> <p>g. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành"</p>	<p>Khoản 2 Điều 13</p> <p>2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết, cổ đông ưu đãi cổ tức, cổ đông ưu đãi hoàn lại có nghĩa vụ theo Điều 115 Luật</p>	<p>2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết, cổ đông ưu đãi cổ tức, cổ đông ưu đãi hoàn lại có nghĩa vụ theo Điều 119 Luật</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	<p>doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ những trường hợp quy định sau:</p> <p>a. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác;</p> <p>b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p>	<p>doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ những trường hợp quy định sau:</p> <p>a. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, <i>trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế;</i></p> <p>b. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;</i></p> <p>c. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 114 và khoản 6 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;</i></p>	Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
<b>Khoản 1 Điều 14</b>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p>	Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
<b>Điểm b Khoản 3 Điều 14</b>	<p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	Bỏ đi	Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
<b>Điểm d Khoản 3 Điều 14</b>	<p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u> Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>c. <i>Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;</i> yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Điểm e Khoản 3 Điều 14	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
Điểm c Khoản 2 Điều 15	c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;	c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
Điểm p Khoản 2 Điều 15	Chưa có	Mở thêm: "p. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;"	Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
Điểm q Khoản 2 Điều 15	Chưa có	Mở thêm: "q. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết"	Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
Khoản 2 Điều 16	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 17	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm	"1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông, sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75%	

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
<p><b>Điểm a Khoản 2 Điều 18</b></p>	<p>giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên</p>	<p>tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản."</p>	<p>Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Khoản 3 Điều 18</b></p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin</p>	<p>Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Điểm b Khoản 5 Điều 18	<p>điện từ của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>điện từ của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;</p>	Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định phải sở hữu liên tục ít nhất 06 tháng
Khoản 6 Điều 18	Chưa có	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp
Khoản Điều 20	Chưa có	<p>"13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành"</p>	Khoản 9 Điều 146 Luật Doanh nghiệp
Khoản Điều 20	Chưa có	<p>"14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán"</p>	Khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
Điều 21	<p><b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự điểm, khoản và thay thế thuật ngữ "Quyết định" thành <b>Nghị quyết</b> để đảm bảo nhất quán và phù hợp với quy định của luật hiện hành</p> <p><b>"Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ</b></p>	Điều 148 Luật Doanh nghiệp



Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	<p>để sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chỉ nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p><b>đồng</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Khoản 4 Điều 21</b></p>	<p>Chưa có</p>	<p><i>Bổ sung thêm Khoản 4 sau khi đã sắp xếp lại các khoản trong Điều 21</i></p> <p><i>"4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu có phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu</i></p>	<p>Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Khoản 2 Điều 22	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điểm g Khoản 3 Điều 22	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	Điểm g Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Khoản 4 và 5 Điều 22	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời</p>	<p>Gộp khoản 4 và 5 Điều 22 Điều lệ cũ thành Khoản 4 Điều 22 Điều lệ mới, cụ thể:</p> <p>"4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác</p>	Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	<p>điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p><i>định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết."</i></p>	
<p><b>Khoản 6 Điều 22</b></p>	<p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cô đồng không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Chính lại thứ tự thành Khoản 5 Điều 22 Điều lệ mới và sửa đổi, bổ sung Điểm e và f như sau:</p> <p>"5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cô đồng không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác."</p>	<p>Điểm đ và e Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Khoản 7 Điều 22	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Chỉnh lại thứ tự thành Khoản 6 Điều 22 Điều lệ mới và sửa đổi, bổ sung như sau: “6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.”	Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Khoản 9 Điều 22	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Chỉnh lại thứ tự thành Khoản 8 Điều 22 Điều lệ mới và sửa đổi, bổ sung như sau: 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 8 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 23	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] i. Chữ ký của chủ toạ và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: [...] i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký. Trường hợp chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
Khoản 5 Điều 23	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và	Khoản 6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Điều 24	<p>bán ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Thông nhất theo thuật ngữ trong Luật Doanh nghiệp</p>
Khoản 2 Điều 25	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>
Khoản 1 Điều 26	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>
Điểm c Khoản 2 Điều 27	<p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>"c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó"</p>	<p>Điểm i Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Điểm h Khoản 2 Điều 27	h. Quyết định quy chế nói bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông	"h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty"	Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC
Điểm c Khoản 3 Điều 27	Khoản này đang dẫn chiếu tới các Điều 135, 149 và 162 của Luật Doanh nghiệp (cũ) c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;	Sửa đổi dẫn chiếu tương ứng tới các Điều 138, 153 và 167 c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;	Dẫn chiếu trình xác tới các điều của Luật doanh nghiệp 2020
Khoản 4 Điều 27	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua	"4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán."	Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 29	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị: chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo	Sửa đổi, bổ sung lại toàn bộ Điều 29 và sắp xếp thứ tự các Khoản cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp như sau: "1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội	Điều 156 Luật Doanh nghiệp

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	<p>quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>đồng quản trị;  đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.  4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.  5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.”</p>	<p>Khoản 6 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Khoản 2 Điều 30</b></p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p>	<p>Khoản 6 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Khoản 7 Điều 30</b></p>	<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít</p>	<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất</p>	<p>Khoản 6 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
Khoản 1 Điều 32	<p>nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. [...]</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p>	<p>ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. [...]</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. <i>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thủ ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC không quy định nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty</p>
Điểm k Khoản 4 Điều 32	Chưa có	<p>k Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>Khoản 4 Điều 32 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC</p>
Khoản 2 Điều 37	Khoản này đang dẫn chiếu tới Điều 164 Luật Doanh nghiệp (cũ)	<p>Sửa dẫn chiếu tới Điều 169 tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp (mới)</p>	<p>Sửa cho chính xác và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>
Khoản 3 Điều 37	<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p>
Khoản 1 Điều 38	Khoản này đang dẫn chiếu tới Điều 165 Luật Doanh nghiệp (cũ)	<p>Sửa dẫn chiếu tới Điều 170 tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp (mới) và bổ sung thêm các khoản:  “g. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.  h. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.”</p>	<p>Sửa cho chính xác và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp  Điều 39 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC</p>
Khoản 1 Điều 40	Khoản này đang dẫn chiếu tới Điều 159 Luật Doanh nghiệp (cũ)	<p>Sửa dẫn chiếu tới Điều 164 tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp (mới)</p>	<p>Sửa cho chính xác và phù hợp với</p>



Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp
<b>Khoản 1 Điều 42</b>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. [...]</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. <i>Cổ đông phổ thông</i> có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. [...]</p>	Khoản 1 Điều 49 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC
<b>Khoản 2 Điều 50</b>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Bỏ quy định này và sắp xếp lại các khoản theo thứ tự phù hợp	Điều 57 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 51</b>	<p><b>Điều 51. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 51. Dấu của Công ty</b></p> <p>1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>4. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.</p>	Điều 43 Luật Doanh nghiệp
<b>Khoản 1 Điều 51</b>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chè Hiệp Khánh nhất trí thông qua ngày 03 tháng 04 năm 2015 theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chè Hiệp Khánh nhất trí thông qua ngày 03 tháng 04 năm 2016 theo Nghị quyết số .../2016/NQ-ĐHĐCĐ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	

Lưu ý: Trong trường hợp các điều khoản bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho hợp lý mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN 397



**DỰ THẢO**  
**VĂN KIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2021**

*(Ban hành theo công văn số:...../TCLĐ-CT397 ngày 29 tháng 3 năm 2021)*

Số: **547**/CT397-TCLĐ  
V/v thẩm định văn kiện trình tại  
ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của  
Công ty cổ phần 397

Đông Triều, ngày **29** tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đông Bắc;
- Phòng TCLĐ Tổng công ty Đông Bắc.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;*

*Căn cứ Căn cứ Quyết nghị số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 03/3/2021 Hội đồng quản trị về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.*

Để chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được tổ chức tại công ty được diễn ra thành công và đúng quy định của Pháp luật, đúng quy định của Tổng Công ty Đông Bắc. Công ty 397 kính trình Tổng công ty thẩm định thông qua một số văn kiện trình tại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Điều lệ tổ chức và hoạt động được chỉnh sửa của Công ty cổ phần 397.

#### **I. CÁC VĂN KIỆN GỒM CÓ**

1. Dự thảo Nội dung và chương trình Đại hội;
2. Dự thảo báo cáo biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;
3. Dự thảo Quy chế làm việc Đại hội;
4. Dự thảo báo cáo kết quả và phương hướng hoạt động SXKD của Giám đốc;
5. Dự thảo tóm tắt báo cáo tài chính năm 2020;
6. Dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát;
7. Thông qua các tờ trình;
  - 7.1. Tờ trình số 01: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS; kết quả và phương hướng hoạt động SXKD của Giám đốc
  - 7.2. Tờ trình số 02: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;



## TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC – CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Địa chỉ: Khu Yên Lãng I, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.2211.329 Fax: 0203.3871.299

Email: [ctycophan397@gmail.com](mailto:ctycophan397@gmail.com) Website: [www.congtycophan397.com.vn](http://www.congtycophan397.com.vn)

**DỰ THẢO**

### NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN 397

**Thời gian:** 07h30 Thứ Sáu ngày 16 tháng 04 năm 2021

**Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần 397 - Khu Yên Lãng I, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
1	07:30 – 08:00	Đăng ký tham dự đại hội	Ban tổ chức
2	08:00 – 08:15	Chào cờ, khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
3	08:15 – 08:20	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông Thông báo chương trình làm việc Thông qua quy chế Đại hội	Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
4	08:20 – 08:40	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, cử Thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu và thông qua Chương trình Đại hội; thông qua Quy chế tổ chức tại Đại hội.	Ban tổ chức Đoàn chủ tịch
5	08:40 - 09:20	<b>Trình bày các báo cáo sau:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020</li><li>- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021</li><li>- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020</li><li>- Tóm tắt Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020</li></ul>	Đại diện HĐQT, BKS, KTT
6	09:20 - 10:20	<b>Trình bày và thông qua các tờ trình sau:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020;</li><li>- Tờ trình thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020;</li><li>- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;</li><li>- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021;</li></ul>	Đại diện HĐQT, BKS, KTT



## TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC – CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Địa chỉ: Khu Yên Lãng I, P. Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.2211.329 Fax: 0203.3871.299

Email: [ctycophan397@gmail.com](mailto:ctycophan397@gmail.com) Website: [www.congtycophan397.com.vn](http://www.congtycophan397.com.vn)



		<ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình thông qua chỉ trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất năm 2021;</li><li>- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;</li><li>- Tờ trình thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021;</li><li>- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;</li><li>- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</li><li>- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;</li><li>- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</li><li>- Tờ trình thông qua Quy trình Công bố thông tin.</li></ul>	
7	10:20 – 10:30	Nghỉ giải lao	
8	10:30 – 10:40	Hướng dẫn biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội	Ban kiểm phiếu
9	10:40 – 11:00	Biểu quyết các nội dung được thông qua tại Đại hội	Chủ tọa
10	11:00 – 11:25	Thông qua Biên bản kiểm phiếu, Biên bản Đại hội, Nghị quyết tại Đại hội	Thư ký, Chủ tọa
11	11:25 – 11:30	Bế mạc	Ban tổ chức



Đông Triều, ngày 16 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG  
DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

Được sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị, Ban kiểm tra tư cách Cổ đông thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần 397 báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

- Tổng số cổ đông được quyền tham dự Đại hội theo danh sách do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp và lập tại ngày 25/03/2021 là 308 cổ đông, sở hữu 5.000.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) theo kết quả kiểm tra cập nhật đến ...h... là ... đại biểu, đại diện sở hữu ... cổ phần, tương đương với ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần 397.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần 397 đã hội đủ các điều kiện để tiến hành theo quy định. Các cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

**BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

**ỦY VIÊN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY VIÊN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đông Triều, ngày 16 tháng 4 năm 2021

DU THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 03/03/2021 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Để đại hội làm việc đạt kết quả cao, thực hiện theo chương trình kế hoạch và những quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội với những nội dung cụ thể như sau:

**Mục tiêu:**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1.1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 16/04/2021 của Công ty cổ phần 397 (sau đây gọi tắt là "Công ty").

1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI****Điều 3. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày**



16/04/2021

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2021 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLKCK Việt Nam) cung cấp hoặc đại diện theo ủy quyền và khách mời.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền**

##### **4.1. Quyền của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội**

4.1.1. Tất cả các cổ đông/đại diện theo ủy quyền đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4.1.2. Tại Đại hội, mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Thông báo mời họp; Giấy uỷ quyền (nếu có) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận tài liệu của Đại hội.

4.1.3. Ngoài các tài liệu được phát trong Đại hội, mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội còn được phát 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ hoặc được ủy quyền.

4.1.4. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

##### **4.2. Nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội**

4.2.1. Trang phục của cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.

4.2.2. Các cổ đông/đại diện theo ủy quyền tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

4.2.3. Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

4.2.4. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội**

5.1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, giữ vai trò là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền phải là thành viên trong Hội đồng quản trị.

5.2. Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
- b) Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong Ban Tổ chức (trước khi Đại hội bắt đầu), Đoàn chủ tịch (trong quá trình diễn ra Đại hội) để tìm ra cách thức giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp có nhiều ý kiến khác

nhau, ý kiến nào có sự ủng hộ của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định.

- c) Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d) Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
  - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
  - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
  - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch**

6.1. Đoàn chủ tịch: gồm Chủ tịch và một số ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội.

6.2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

- Là cơ quan cao nhất điều hành các công việc tại Đại hội.
- Hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền về các vấn đề nêu ra trong nội dung chương trình Đại hội.
- Điều hành và chủ trì việc biểu quyết thông qua các vấn đề được nêu trong Đại hội theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội**

7.1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định và được Đại hội thông qua, có nhiệm vụ hỗ trợ Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội được thành công, ghi nhận và lập biên bản họp Đại hội.

7.2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội.

7.3. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

7.4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đoàn chủ tịch phân công trong thời gian Đại hội tạm nghỉ.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu**

8.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội thành lập, có trách nhiệm:

- a) Lập danh sách cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra Đại hội.
- b) Thu và kiểm tra các Thông báo mời họp, giấy ủy quyền tham dự Đại hội.
- c) Kiểm tra cổ đông/đại diện theo ủy quyền đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.

- d) Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước Đại hội.
- e) Phát tài liệu họp, Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền trước khi vào hội trường.
- 8.2. Ban kiểm phiếu: Ban Kiểm phiếu có 05 (năm) thành viên, bao gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Những người tham gia Ban kiểm phiếu không đồng thời là thành viên Ban Thư ký Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, sau đó nộp Biên bản cho Chủ tọa Đại hội.
- 8.3. Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

### **CHƯƠNG III**

#### **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông do TTLKCK Việt Nam cung cấp và chốt ngày cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội là 25/03/2021.

#### **Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội**

- 10.1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
- 10.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc biểu quyết qua Phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện theo ủy quyền.

11.1. Những vấn đề sau đây được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- a) Thông qua chương trình làm việc của Đại hội;
- b) Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;
- c) Bầu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban kiểm phiếu;
- d) Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội;
- e) Và một số nội dung khác phát sinh ngoài nội dung, chương trình Đại hội và theo điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

Việc biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết để lấy ý kiến đối với các nội dung nêu trên được tiến hành như sau: khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết có ghi “Số cổ phần” sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu **Tán thành; Không tán thành; hoặc Không có ý kiến** để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

11.2. Biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội được biểu

quyết thông qua bằng Phiếu biểu quyết và được thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án: **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

a) Các cổ đông/đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông/đại diện theo ủy quyền cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 20 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông/đại diện theo ủy quyền không tham gia bỏ phiếu được coi như **Không có ý kiến**;
- Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông/đại diện theo ủy quyền.

b) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

c) Các Phiếu biểu quyết **Không hợp lệ** sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra, không có dấu của Công ty và không có chữ ký xác nhận của cổ đông/đại diện theo ủy quyền;
- Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó **Không hợp lệ**.

11.3. Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi có số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 11.4.

11.4. Đối với các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

## **Điều 12. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội không thành**

12.1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 9 Quy chế này thì Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức Đại hội lần thứ nhất không thành.

12.2. Trong Đại hội triệu tập lại (Đại hội lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại

diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp Đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập Đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần 2.

12.3. Trong Đại hội lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của Đại hội.

#### **Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

### **CHƯƠNG IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

#### **Điều 14. Một số quy định khác**

14.1. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông/đại diện theo ủy quyền phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông/đại diện theo ủy quyền.

14.2. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền sẽ bị Đoàn chủ tịch Đại hội truất quyền tham dự Đại hội khi cố tình không chấp hành các quy định của Đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Đại hội.

### **CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 15. Hiệu lực của Quy chế**

Quy chế này bao gồm 6 chương, 15 điều, được áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 diễn ra vào ngày 16 tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
397  
TX. ĐÔNG TRIỀU - T. QUẢNG BÌNH



TRẦN VĂN CHÍNH

**DU THẢO**

**BÁO CÁO  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397 đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2020; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty cổ phần 397 là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, có trụ sở tại khu Yên Lãng I, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 25/10/2010 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 20/5/2020 với mã số doanh nghiệp là 5701435907, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Vốn điều lệ tại thời điểm bắt đầu thành lập công ty cổ phần là: 50 tỷ, trong đó vốn góp của Tổng công ty Đông Bắc là: 25,5 tỷ (chiếm 51% VDL); vốn góp của nhà đầu tư chiến lược Công ty Quang Thành là: 10 tỷ (chiếm 20% VDL); vốn góp của nhà đầu tư chiến lược Công ty Thổ Huân là: 5,731 tỷ (chiếm 11,462% VDL); Bán cho nhà đầu tư khác 2,5 tỷ (chiếm 5% VDL); Bán cho CBCNV trong công ty: 6,269 tỷ (chiếm 12,538% VDL).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số BCB.

Tổ chức biên chế Công ty gồm:

- Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 có 05 thành viên gồm: 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Ủy viên Hội đồng quản trị, trong đó có 01 thành viên HĐQT chuyên trách, 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong Ban điều hành Công ty và 02 thành viên HĐQT không điều hành Công ty.

- Ban kiểm soát Công ty năm 2020 có 03 thành viên gồm: 01 trưởng ban và 02 ủy viên.

- Bộ máy giúp việc gồm: 08 cơ quan chuyên môn.

- Các đơn vị trực thuộc gồm: 01 công trường; 02 phân xưởng; 01 đội b/vệ.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020**

**1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020**

Năm 2020, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Thường vụ Đảng ủy, chỉ huy,

các cơ quan Tổng công ty; sự phối hợp giúp đỡ, ủng hộ của cấp ủy, chính quyền, nhân dân thị xã Đông Triều. Đội ngũ cán bộ, CNVC, lao động đoàn kết khắc phục mọi khó khăn, hăng hái thi đua lao động sản xuất. Tuy nhiên, trong năm Công ty thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp, nhạy cảm; một số xe, máy, trang thiết bị cũ, hỏng, thời gian sửa chữa kéo dài; công tác khoan, nổ mìn, đổ thải gặp nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu suy giảm, đã một phần nào tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, việc làm, thu nhập của người lao động.

Quán triệt đặc điểm trên, HĐQT, ban Giám đốc Công ty chủ động khắc phục khó khăn, tập trung chỉ đạo, điều hành đơn vị hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra. Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước đều đạt và vượt kế hoạch; bảo toàn vốn Nhà nước và của các cổ đông; việc làm, thu nhập của người lao động ngày càng được cải thiện, nâng cao; tạo sự tin tưởng tuyệt đối cho các nhà đầu tư chiến lược. Một số chỉ tiêu cơ bản :

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH (%)
Vốn điều lệ	Tr.đồng	50.000	50.000	100
Bốc xúc đất đá	M3	8.700.000	8.701.914	100,02
SX than nguyên khai	Tấn	700.000	700.931	100,13
SX than sạch	Tấn	312.200	367.132,76	117,6
Than tiêu thụ	Tấn	662.200	615.936,06	93,01
Doanh thu	Tr.đồng	695.185,21	707.333,36	101,74
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	24.400	25.115,39	102,93
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	15.200	21.134,02	139,04
Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	156.007,29	154.103,65	98,78
Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	13.597.000	14.517.000	106,76
Thu nhập bình quân	1000đ/ng-th	14.526.000	15.430.000	106,22

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

## 2. Về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2020

Trong năm 2020, Công ty cổ phần 397 đã triển khai thực hiện một số nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 gồm:

2.1. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận trong năm 2020;

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 10% (LNST): 2.113,402 Tr.đồng
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 20% (LNST): 4.226,804 Tr.đồng

- Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức 70% (LNST): 14.793,814 Tr.đồng

2.2. Thực hiện chi trả tiền thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

- Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2020 là: 180 triệu đồng.

Thực hiện chi trả tiền thù lao và chi phí hoạt động của BKS:

- Chi phí hoạt động của BKS năm 2020 là: 42 triệu đồng.

2.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội là đơn vị đang thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

### **3. Về tổ chức các cuộc họp HĐQT.**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

- Số lần tổ chức họp HĐQT thông qua các nội dung là 12 cuộc họp, 100% thành viên đều tham dự.

b. Các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020

- Trong năm tổ chức 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2020)

c. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2020

- Trong năm HĐQT ban hành 12 Nghị quyết, quyết định về tình hình hoạt động của Công ty

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 hiện nay có 02 thành viên độc lập không điều hành là ông Văn Trung Tuyển và ông Nguyễn Đình Thao là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành các công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT này đã đóng góp tích cực trong việc xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất của công ty.

### **4. Báo cáo giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HĐQT**

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành sản xuất, kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT. Tổ chức triển khai hoạt



động SXKD phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;

- Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty theo quy định của HĐQT.

- Thực hiện tốt Quy chế quản trị nội bộ; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phó Giám đốc; thường xuyên duy trì chế độ giao ban, hội ý, đánh giá kết quả thực hiện và triển khai kế hoạch nhiệm vụ.

- Bám sát kế hoạch Tổng công ty, chủ động điều hành sản xuất linh hoạt, hợp lý, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; xây dựng quy chế khoán quản trị chi phí giá thành theo đúng hướng dẫn của Tổng công ty; thực hiện nghiêm các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên về các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất.

- Chấp hành nghiêm quy trình quy phạm trong sản xuất, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, bổ sung các phương án đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Rà soát, lập phương án, tổ chức thi công các công trình phòng chống mưa bão, công trình môi trường. Năm 2019 đơn vị đạt danh hiệu "Đảm bảo An toàn - Vệ sinh lao động xuất sắc"

- Thường xuyên kiện toàn sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức biên chế, lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nâng cao tay nghề, nâng bậc cho công nhân lành nghề, thợ bậc cao...đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động. Chính sách phúc lợi cho CBCNV ngày càng được quan tâm, chú trọng.

- Điều hành thực hiện tốt quy trình, quy phạm kỹ thuật không để xảy ra mất an toàn trong quản lý, vận hành thiết bị. Rà soát, xây dựng hoàn thiện quy định, định mức sử dụng, chi phí vật tư, nhiên liệu trên cơ sở định mức quy định của trên, phát huy cao nhất năng suất thiết bị. Bảo đảm vật tư, nhiên liệu, sửa chữa phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt Cuộc vận động 50 về "Quản lý, khai thác vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông". Rà soát, xây dựng hoàn thiện quy định, định mức sử dụng, chi phí vật tư, nhiên liệu trên cơ sở định mức quy định của Tổng công ty.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021**

#### **1. Mục tiêu**

Quán triệt sâu sắc và triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, hiệu quả. Hoàn thiện các thủ tục và triển khai dự án khai thác lộ thiên kết hợp với cải tạo các hồ mỏ Nam Tràng Bạch đúng quy định pháp luật. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị.

#### **2. Định hướng – nhiệm vụ trọng tâm 2021.**

Năm 2021, dự báo kinh tế đất nước ổn định và phát triển; là năm diễn ra bầu Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tổng công ty Đông Bắc thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa theo kế

hoạch của Bộ Quốc phòng. Công ty tiếp tục thực hiện sản xuất kinh doanh theo sản lượng đã được điều chỉnh tăng công suất khai thác tại mỏ Nam Tràng Bạch, trong điều kiện luôn có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Đảng ủy, chỉ huy Tổng công ty; sự phối hợp của các cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương. Tuy nhiên công tác GPMB phục vụ sản xuất tiếp tục gặp khó khăn, phức tạp, nhạy cảm; một số xe máy, thiết bị xuống cấp, hư hỏng ... tác động của đại dịch Covid - 19 kéo dài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Song với tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo HĐQT, ban Giám đốc, người lao động Công ty 397 quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu cụ thể sau:

*Đơn vị: Nghìn đồng*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Bốc xúc đất đá	M <sup>3</sup>	11.680.000
2	SX than nguyên khai	Tấn	1.000.000
3	Tiêu thụ than	Tấn	946.400
4	Doanh thu	Tr.đồng	950.617,38
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	20.000
6	Tiền lương bình quân	Tr.đồng	13,412
7	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	28,0

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty cùng Ban Giám đốc xây dựng chi tiết phương án và các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bao gồm:

2.1. Phát huy tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chủ động, linh hoạt trong điều hành sản xuất, đảm bảo đúng số lượng, cơ cấu chủng loại, phẩm cấp để tiêu thụ than theo kế hoạch; thực hiện chặt chẽ công tác quản trị, tiết giảm chi phí tối thiểu 5%, để hoàn thành toàn diện kế hoạch SXKD và chỉ tiêu lợi nhuận 2021.

2.2. Thực hiện tốt công tác tổ chức biên chế, rà soát lực lượng lao động, bố trí sắp xếp hợp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên đảm bảo đủ việc làm, thu nhập cho người lao động. Tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; có chính sách, biện pháp thích đáng thu hút công nhân có tay nghề cao.

2.3. Thực hiện tốt quy chế đầu tư xây dựng cơ bản, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Chủ động phối hợp với UBND thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và tháo gỡ khó khăn trong thực

hiện các dự án mỏ Nam Tràng Bạch. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho sản xuất. Sớm triển khai và hoàn thành các công trình bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất.

2.4. Thực hiện hiệu quả chương trình "Tự chủ an toàn", gắn trách nhiệm về công tác đảm bảo an toàn đối với cán bộ chỉ huy các cơ quan, đơn vị; thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia giao thông; phấn đấu năm 2021 đơn vị giữ vững danh hiệu "An toàn - VSLĐ xuất sắc".

2.5. Thực hiện tốt Quy chế quản lý tài chính. Huy động, quản lý chặt chẽ nguồn vốn đảm bảo cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, các dự án bảo đảm tiết giảm chi phí sản xuất. Chấp hành nghiêm chế độ kiểm toán và quy định của cấp trên. Bảo toàn vốn Nhà nước và các cổ đông. Tài chính đơn vị lành mạnh.

*Phát huy kết quả năm 2020, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 có những bước phát triển mới đồng thời không ít những khó khăn thách thức, HĐQT, ban Giám đốc, người lao động Công ty cổ phần 397 cần chủ động, sáng tạo, đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, phát huy trí tuệ tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch mà Đại hội đã đề ra, xây dựng Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đơn vị VMTD./.*

*Trân trọng cảm ơn!*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
397  
TRẦN VĂN CHÍNH



**BÁO CÁO****Kết quả hoạt động SXKD năm 2020  
và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021****Phần thứ nhất****KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020****I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020****1. Tình hình chung**

Năm 2020 là năm thứ ba Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn thử thách trong quá trình sản xuất kinh doanh đó là: than nguyên khai sản xuất chất lượng vẫn còn thấp; tỷ lệ AK tăng cao, không đạt phẩm cấp, dẫn đến doanh thu giảm; một số trang thiết bị máy móc, phương tiện vận tải đã xuống cấp; công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh ngày càng chặt chẽ, các khoản chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chiếm tỷ trọng cao trong giá thành; giá cả đầu vào phục vụ cho sản xuất có nhiều biến động đã làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra năm 2020 tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, đời sống cán bộ công nhân bị đảo lộn, dịch bệnh đã ảnh hưởng mạnh đến phát triển kinh tế, xã hội chung của đất nước, điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, năm qua cán bộ CBCNV, lao động trong Công ty đã phát huy cao độ làm chủ tập thể, lao động sáng tạo, nêu cao tinh thần đoàn kết quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 mà trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đề ra. Cụ thể các chỉ tiêu đạt được như sau:

**2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ TH/KH %
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	50.000	50.000	100,00
2	Bóc đất đá	m <sup>3</sup>	8.700.000	8.701.914	100,02
3	Sản xuất than NK	Tấn	700.000	700.931	100,13
	- Chế biến than sạch từ NK	Tấn	312.200	367.132,76	117,60
4	Than tiêu thụ nội bộ TCTy	Tấn	662.200	615.936,06	93,01

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ TH/KH %
	- Than sạch	Tấn	312.200	333.464,26	106,81
	- Than nguyên khai	Tấn	350.000	282.471,8	80,71
5	Tiêu thụ SP ngoài TC than	M3		1.031,20	
6	Giao NB than CB từ SP ngoài than	Tấn		4.194,81	
7	Doanh thu	Trđ	695.185,21	707.333,36	101,74
8	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	24.400	25.115,39	102,93
9	Nộp ngân sách NN	Trđ	150.000	156.007,29	104,00
10	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	15.200	21.134,02	139,04
11	Trích lại lợi nhuận	Trđ	15.200	21.134,02	139,04
12	Trích lập các quỹ tại DN (30% LNST)	Trđ	4.560	6.340,206	139,04
	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	Trđ	1.520	2.113,402	139,04
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST)	Trđ	3.040	4.226,804	139,04
	- Quỹ thưởng người quản lý (2,08 % LNST tương đương 0,633% VDL)	Trđ	316,16	439,59	139,04
	- Quỹ thưởng người lao động (17,92% LNST tương đương 5,447% VDL)	Trđ	2.723,840	3.787,21	139,04
13	Lợi nhuận chia cổ tức	Trđ	10.640,0	14.793,814	139,04
	Chia cổ tức bằng tiền mặt	Trđ	10.640,0	14.793,814	139,04
	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	Trđ			
14	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	13.597.000	14.517.000	106,76
15	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	14.526.000	15.430.000	106,22

## II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MẶT QUẢN LÝ NĂM 2020

### 1. Công tác kế hoạch

Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 sát với tình hình thực tế của Công ty theo từng giai đoạn. Làm tốt công tác tham mưu giúp cho Đảng ủy, chỉ huy Công ty đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh hợp lý; đồng thời tích cực chủ động tìm các giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ than góp phần làm tăng doanh thu. Năm 2020, Công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch về SXKD.

### 2. Công tác Đầu tư xây dựng

Công ty đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho nhiệm vụ SXKD năm 2020 với tổng mức đầu tư là: 123.601 triệu đồng, bao gồm: giá trị xây dựng 11.421 triệu đồng; giá trị thiết bị 11.927 triệu đồng; giá trị khác 100.253 triệu đồng (bao gồm cả tiền Giải phóng mặt bằng). Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện Giải phóng mặt bằng được 57 hộ,

đảm bảo đất sạch cho đơn vị sản xuất 63 ha; nghiệm thu và đưa vào sử dụng 01 hệ thống xử lý nước thải của công ty; thuê thiết bị hoạt động đã đưa vào sử dụng: 05 xe CAT; 04 máy xúc; xây kè tu bổ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống đảm bảo nguồn nước tưới tiêu khu vực phía đông thị xã Đông Triều; xây dựng nhà giao ca công trường... Các dự án đầu tư của Công ty trong năm đều chấp hành đúng Luật đấu thầu, quy chế đầu tư XDCB của Tổng công ty, thực hiện đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí.

### **3. Công tác kỹ thuật sản xuất, an toàn**

+ Công tác kỹ thuật sản xuất: Công ty đã thực hiện nghiêm quy trình công nghệ, đồng thời tích cực nghiên cứu và hoàn thiện quy trình công nghệ sàng tuyển, chế biến than phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị làm cơ sở để xây dựng kế hoạch giá thành theo công đoạn sản xuất. Xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản quản lý về công tác môi trường, tổ chức thành lập ban chỉ đạo và đội phòng chống mưa bão, tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng công ty. Thực hiện tốt công tác quản lý về số lượng, chất lượng sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả trong SXKD. Làm tốt công tác phục vụ xác nhận khối lượng mỏ.

+ Công tác an toàn bảo hộ lao động: Công ty đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động năm 2020, đồng thời xây dựng phương án phòng chống cháy nổ theo quy định của trên. Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về AT, VSLĐ năm 2020 của Công ty đảm bảo theo đúng kế hoạch đề ra. Đã tổ chức cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty với số tiền là 827,92 triệu đồng. Năm 2020 Công ty đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất và an toàn giao thông, được Tổng công ty đánh giá chấm điểm đơn vị an toàn xuất sắc.

### **4. Công tác Tổ chức lao động, tiền lương**

Đã tập trung làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo đúng kế hoạch đề ra. Thường xuyên kiện toàn bộ máy tổ chức, bố trí sắp xếp lực lượng lao động tại các bộ phận phù hợp với tình hình nhiệm vụ của Công ty trong từng giai đoạn; thực hiện tốt công tác quản lý lao động và tiền lương, phân phối tiền lương, thu nhập đảm bảo đúng chế độ, đúng quy chế tiền lương, đúng nguyên tắc và quy định của cấp trên; đặc biệt là đã quan tâm chú trọng hơn đến công tác chi trả lương đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật, lao động trực tiếp ở các bộ phận sản xuất. Công tác tuyển dụng lao động được đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình, nguyên tắc, công khai dân chủ, đảm bảo chất lượng lao động.

### **5. Công tác tài chính, kế toán**

- Đã đảm bảo đầy đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho hoạt động SXKD, đầu tư XDCB và các hoạt động khác của đơn vị. Làm tốt công tác chuyên môn và công tác phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đối với Công ty. Qua kết quả kiểm tra, kiểm toán đã đánh giá công tác tài chính - kế toán thực hiện tốt các nguyên tắc, chế độ Nhà nước và cấp trên quy định, Luật kế toán, thống kê. Tình hình tài chính của Công ty năm 2020 đảm bảo lành mạnh.

## **6. Công tác cơ điện, vận tải, vật tư**

- Đã phối hợp với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện tốt công tác mua sắm vật tư, phục vụ cho sản xuất đảm bảo theo đúng nguyên tắc, quy định của Luật đấu thầu; cung ứng kịp thời vật tư, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất; làm tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng nâng cao hệ số kỹ thuật và hệ số sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành phục vụ kịp thời cho công tác sản xuất, chế biến và tiêu thụ than. Thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên, kế hoạch trung, đại tu máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển...

## **7. Công tác chính sách hậu cần, đời sống, đền ơn đáp nghĩa**

- *Công tác hậu cần, đời sống:* Đã tích cực chủ động làm tốt công tác phục vụ cho cơ quan, cũng như các bộ phận sản xuất góp phần cải thiện và nâng cao điều kiện làm việc, nghỉ ngơi cho cán bộ, CNVC, lao động. Công tác phục vụ đời sống từng bước được nâng lên, đảm bảo đúng tiêu chuẩn định lượng, chất lượng các bữa ăn, đảm bảo tốt vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng dịch, tổ chức tốt việc khám bệnh định kỳ cho công nhân, tỷ lệ quân số khoẻ thường xuyên đạt 98,5% trở lên. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm cho người lao động, trong năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát được 272 lượt người với số tiền: 1.569,05 triệu đồng.

## **8. Công tác đảng, công tác chính trị, công tác thi đua, tuyên truyền**

Trong năm 2020 đơn vị đã tổ chức quán triệt, học tập đầy đủ các chỉ thị, Nghị quyết của của các cấp; Đảng ủy Công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức Đại hội Đảng Công ty cổ phần 397; thường xuyên chăm lo đảm bảo đủ việc làm, nâng cao thu nhập và đảm bảo nơi ăn, nghỉ cho cán bộ, nhân viên, người lao động ngày càng khang trang, sạch đẹp. Phối hợp Viện kiểm soát Quân sự khu vực 31, cơ quan điều tra hình sự khu vực 3 - Quân khu 3 tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân viên, người lao động trong đơn vị. Tiếp tục tuyên truyền, vận động toàn thể cán bộ, nhân viên, người lao động trong Công ty tham gia hưởng ứng Thư kêu gọi của Đảng ủy, chỉ huy Tổng công ty Đông Bắc về việc ủng hộ phong trào "*Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới*".

Đảng ủy Công ty tổ chức thẩm định kết quả đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên; đánh giá nhận xét cán bộ năm 2020; Tổ chức tổng kết phong trào thi đua quyết thắng năm 2020. Qua tổng kết phong trào thi đua đơn vị đã được Tổng công ty tặng Cờ thi đua cho tập thể Công ty và Đơn vị quyết thắng cho 02 tập thể, danh hiệu Lao động tiên tiến cho 04 tập thể, tặng danh hiệu CSTĐ cho 35 đồng chí và danh hiệu LĐTT cho 11 đồng chí.

**9. Hoạt động của HĐQT, BKS và các tổ chức trong hệ thống chính trị của Công ty**

a) Hội đồng quản trị: Đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, kịp thời chỉ đạo và giải quyết các vấn đề quan trọng của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành kịp thời, định hướng đúng cho Công ty hoạt động đảm bảo hiệu quả SXKD, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b) Ban kiểm soát: Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ. Trong năm Ban kiểm soát đã đề xuất với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thực thi có hiệu quả trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

c) Hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Công ty đã tạo nên sức mạnh tổng hợp trong hệ thống chính trị. Các tổ chức đoàn thể và chuyên môn cụ thể hoá bằng các chương trình hành động thiết thực trên các lĩnh vực hoạt động công tác, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức, góp phần quyết định vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Công ty.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

#### **\*Đặc điểm tình hình:**

Năm 2021 Công ty có những thuận lợi cơ bản là: Tình hình Tổng công ty nói chung và Công ty nói riêng tiếp tục ổn định và phát triển vững chắc; năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tạo ra động lực lớn để cán bộ, công nhân, lao động trong Công ty có quyết tâm cao thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2021.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi cơ bản trên năm 2021 được dự báo sẽ có nhiều khó khăn thách thức tác động tới quá trình thực hiện nhiệm vụ và xây dựng đơn vị; môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt; công tác đảm bảo môi trường trong SXKD ngày càng chặt chẽ vì vậy chi phí cho công tác môi trường sẽ tăng cao; giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt sẽ có nhiều biến động; tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến khó lường, không có dấu hiệu suy giảm; thời tiết khí hậu có thể có những diễn biến phức tạp cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD của đơn vị.

*Xuất phát từ đặc điểm tình hình trên Công ty xác định mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ năm 2021 như sau:*

#### **I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2021**

##### **1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

<b>TT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH năm 2021</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	50.000	
2	Sản lượng than sản xuất	Tấn	946.400	
	- Than sạch (thành phẩm)	Tấn	446.400	



TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Ghi chú
	- Than Nguyên khai	Tấn	500.000	
	<i>Trong đó: Than NK quy sạch</i>	<i>Tấn</i>		
3	Sản lượng than tiêu thụ	Tấn	946.400	
4	Sản lượng đất đá	M <sup>3</sup>	11.680.000	
5	Doanh thu	Tr.đồng	950.617,38	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	25.000	
7	Nộp ngân sách NN	Tr.đồng	276.243	
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	20.000	
9	Trích lập các quỹ tại DN (30% LNST)	Tr.đồng	6.000	
	<i>Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>200</i>	
	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>4.000</i>	
	<i>- Quỹ thưởng người quản lý (1,58 % LNST tương đương 0,63% VDL)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>316,5</i>	
	<i>- Quỹ thưởng người LĐ (18,41 % LNST tương đương 7,36% VDL)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>3.683,5</i>	
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức dự kiến (70% LNST):	Tr.đồng	14.000	
	<i>Chia cổ tức bằng tiền mặt (70% LNST)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>14.000</i>	
	<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	<i>Tr.đồng</i>		
11	Tiền lương bình quân (dự kiến)	đ/ng/th	13.412.000	
12	Thu nhập bình quân (dự kiến)	đ/ng/th	14.342.000	

## II. MỘT SỐ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

### 1. Công tác kế hoạch

Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 mà Công ty đã xác định, làm tốt công tác phối kết hợp với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty để thực hiện tốt các chỉ tiêu sản xuất, chế biến, tiêu thụ than. Tích cực, chủ động, nhạy bén, thường xuyên bám sát, nghiên cứu nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất, tiêu thụ than. Phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo, nâng cao năng lực điều hành thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch không để bị động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD, quản lý chặt chẽ, kiểm soát toàn diện các công đoạn, đầu vào chi phí sản xuất, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Chấp hành nghiêm pháp luật và các quy định của cấp trên trong sản xuất.

### 2. Công tác Đầu tư xây dựng

Năm 2021, Công ty đã được Tổng công ty thông qua chủ trương đầu tư năm 2021 với tổng mức đầu tư: 142.798 triệu đồng, bao gồm: giá trị xây dựng 88.535 triệu đồng; giá trị thiết bị 49.017 triệu đồng; giá trị khác 5.246 triệu đồng. Công tác ĐTXD công ty luôn bám sát mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ SXKD để triển khai công tác đầu tư đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm, phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư, không đầu tư các dự án chưa thực sự cần thiết. Quyết

tâm thực hiện hoàn thành công tác Giải phóng mặt bằng, lấy đất sạch đưa vào sản xuất.

### **3. Công tác Kỹ thuật, an toàn**

Công tác kỹ thuật sản xuất: Cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, duy trì nghiêm quy trình công nghệ sản xuất. Tập trung xây dựng quy trình công nghệ phù hợp với chi phí của đơn vị sau khi được Tổng công ty phê duyệt kế hoạch SXKD cho Công ty. Triển khai và thực hiện tốt kế hoạch phòng chống mưa bão, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường; quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng than trong các khâu sản xuất, chế biến, pha trộn và tiêu thụ đảm bảo tốt theo chỉ tiêu giao, đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho nhu cầu tiêu thụ của Tổng công ty. Làm tốt công tác đo đạc phục vụ xác nhận khối lượng mỏ.

Công tác an toàn bảo hộ lao động: Cần tăng cường các biện pháp an toàn trong hoạt động sản xuất và an toàn trong tham gia giao thông. Đảm bảo các chế độ về bảo hộ lao động theo quy định. Chú trọng công tác huấn luyện ATLĐ cho số lao động mới tuyển dụng, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn bảo hộ lao động ở các Công trường, Phân xưởng, Đội bảo vệ. Đảm bảo trong năm đơn vị an toàn tuyệt đối trong lao động sản xuất và tham gia giao thông.

### **4. Công tác tổ chức lao động và tiền lương**

Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức, sắp xếp bố trí lực lượng lao động trong Công ty hợp lý để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ của Công ty trong từng giai đoạn. Lãnh đạo chặt chẽ công tác tuyển dụng lao động đảm bảo đúng nguyên tắc, chất lượng lao động. Nâng cao hơn nữa công tác quản lý lao động, tiền lương; tiếp tục hoàn thiện quy chế trả lương đảm bảo chế độ quy định, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, nhất là quan tâm đến chế độ chi trả lương đối với đội ngũ công nhân lao động trực tiếp ở các bộ phận sản xuất nhằm đảm bảo tốt hơn nữa đời sống, thu nhập, động viên tinh thần để người lao động yên tâm gắn bó xây dựng đơn vị lâu dài.

### **5. Công tác tài chính, kế toán**

Tích cực khai thác các nguồn vốn vay, thường xuyên đảm bảo đủ vốn đáp ứng nhu cầu cho dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhiệm vụ SXKD và các hoạt động của đơn vị. Sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm có hiệu quả, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ tài chính, Luật kế toán, thống kê của Nhà nước và quy định của cấp trên. Đảm bảo tài chính của Công ty luôn lành mạnh.

### **6. Công tác cơ điện, vận tải, vật tư**

Tăng cường hơn nữa công tác quản lý vật tư xe máy và phương tiện vận tải thủy; thường xuyên theo dõi và quản lý tốt định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, phụ tùng thay thế đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả trong quá trình sử dụng. Thực hiện tốt công tác cung ứng vật tư, nhiên liệu, phụ tùng kịp thời phục vụ cho sản

xuất đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý. Thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải. Trong năm 2021 và những năm tiếp theo dần thay thế các xe, máy, thiết bị cũ đã qua sửa chữa nhiều và sử dụng không còn hiệu quả để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới của Công ty. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động 50 của Bộ Quốc phòng.

#### **7. Công tác thực hành tiết kiệm chống tham ô lãng phí**

Tiếp tục quán triệt pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm cho cán bộ, công nhân, lao động, đặc biệt là ý thức trong sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm. Tăng cường công tác quản lý vật tư tài sản, xây dựng các định mức chi phí sản xuất hợp lý. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát các nội dung chi tiêu, thực hành triệt để tiết kiệm. Kiên quyết chống các biểu hiện tham ô, lãng phí của công gây thất thoát tài sản của đơn vị.

#### **8. Công tác xây dựng Đảng và công tác chính trị**

Tổ chức quán triệt học tập tốt các chỉ thị, nghị quyết của đảng uỷ các cấp. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đội ngũ đảng viên gắn liền với xây dựng đội ngũ cán bộ. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây dựng chi, Đảng bộ TSVM. Làm tốt công tác dân vận, tích cực tham gia xây dựng cụm địa bàn an toàn. Thực hiện có nề nếp ngày sinh hoạt chính trị văn hoá tinh thần, tăng cường hơn nữa công tác quản lý kỷ luật, bài trừ các tệ nạn xã hội, không để nảy sinh trong đơn vị.

#### **8. Công tác quần chúng**

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua quyết thắng, kết hợp chặt chẽ với phong trào thi đua của các tổ chức quần chúng. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hoá, thể thao với các tổ chức đoàn thể địa phương, nhằm xây dựng môi trường và nếp sống văn hoá lành mạnh. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về an toàn lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh. Xây dựng nhiều điển hình cá nhân và tập thể tiên tiến trong đơn vị, nêu gương người tốt, việc tốt làm cho phong trào thi đua quyết thắng phát triển rộng khắp trở thành động lực lớn thúc đẩy hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Công ty năm 2021.

Kính thưa quý cổ đông! Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Công ty cổ phần 397 xin được báo cáo trước Đại hội.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty! tôi xin được cảm ơn sự cố gắng của CBCNV, người lao động trong Công ty; sự ủng hộ và tin tưởng của các Quý cổ đông trong năm qua. Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của các quý cổ đông trong các năm tiếp theo.

Kính mong các quý cổ đông tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty cổ phần 397 ngày càng ổn định, phát triển bền vững.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua./.  
**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Các cổ đông/đại diện cổ đông;
- Lưu: VT, TCLĐ. Tr10.



**DU THAO**

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397 được Đại hội đồng cổ đông thông ngày 15/5/2020 và các quy định của pháp luật hiện hành;

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần 397 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

*Kính thưa Quý vị cổ đông,*

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần 397 báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch 2021 với các nội dung sau:

### **1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tất cả các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện của Công ty năm 2020.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban Giám đốc và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị.

### **2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của BKS**

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban Giám đốc.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc không gây thiệt hại cho các cổ đông.
- Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2020:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Lãng	Trưởng BKS	16.500.000	Từ nhiệm T11.2020
2	Bùi Quang Hưng	Trưởng BKS	1.500.000	Bầu bổ sung từ T12.2020
3	Nguyễn Quách Tùng	Thành viên BKS	12.000.000	
4	Bạch Thị Liên	Thành viên BKS	12.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>42.000.000</b>	

### 1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2020 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Hệ thống kiểm soát tài chính và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán. Một số thông tin và chỉ tiêu tài chính:

#### Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>204.431.278.025</b>	<b>253.481.184.354</b>
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán	22.994.916.775	86.502.602.419
Người mua trả tiền trước	-	-
Phải trả công nhân viên	13.163.732.276	13.846.503.580
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	4.209.968.000	6.113.606.791
Chi phí phải trả	67.052.075	574.698.279
Phải trả nội bộ	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	163.002.229.313	145.082.241.144
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	78.700.000	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	914.679.586	1.361.532.141

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần 397

<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>82.068.248.820</b>	<b>9.905.415.451</b>
Phải trả dài hạn nội bộ		
Phải trả dài hạn	75.396.932.875	-
Vay và nợ dài hạn		
Dự phòng phải trả dài hạn	6.671.315.945	9.905.415.451
Doanh thu chưa thực hiện		
<b>Tổng cộng</b>	<b>286.449.526.845</b>	

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty và Báo cáo kiểm toán năm 2020)

### Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7.673.905.233</b>	<b>805.219.048</b>
Phải thu từ khách hàng	34.949.200	-
Trả trước cho người bán	110.219.642	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn		-
Các khoản phải thu khác	7.528.736.391	805.219.048
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
<b>2. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>72.927.674.523</b>	<b>10.012.548.701</b>
Phải thu dài hạn khác	72.927.674.523	10.012.548.701
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.601.579.756</b>	<b>10.817.767.749</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty và Báo cáo kiểm toán năm 2020)

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	0,09	0,14
Hệ số thanh toán nhanh ((=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,06	0,02
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,82	0,78
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	4,56	3,58
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (= Doanh thu/hàng tồn kho bq)	Lần	20,0	22,97
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,01	2,10
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,63	2,99
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	18,23	28,69
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	3,28	6,27

**Qua một số chỉ tiêu tài chính Công ty có thể thấy: chỉ số tài chính của công ty năm 2020 có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2019**

**2. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý**

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao trong tác điều hành.

**3. Định hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát**

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua trong phạm vi nghĩa vụ, quyền



hạn quy định tại Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

- Kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, Tăng cường kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

**Xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông!**

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Bùi Quang Hưng**

CÔNG TY CỔ PHẦN 397



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Đông Triều, ngày 16 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020

Kính thưa quý vị dự đại hội cổ đông thường niên

Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số: 3202/2021/BCKT-TKV/HN ngày 25/02/2021 của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần 397,

Được sự ủy quyền của Ban Giám đốc Công ty tôi xin báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty năm 2020 với các nội dung sau:

### 1. Về kết quả sản xuất kinh doanh

DVT: VND

Chỉ tiêu	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	707.333.364.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	707.333.364.125
4. Giá vốn hàng bán	585.182.352.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.151.011.659
6. Doanh thu hoạt động tài chính	352.959.029
7. Chi phí tài chính	16.065.040.387
8. Chi phí bán hàng	15.427.990.850
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.278.148.504
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.732.790.347
11. Thu nhập khác	6.348.230.380
12. Chi phí khác	6.965.629.433
13. Lợi nhuận khác	-617.399.053
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	25.115.391.294
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.981.368.799
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.134.022.495
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.958,76

**2. Bảng cân đối kế toán tóm tắt:**

ĐVT: VNĐ

	Năm 2020
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>337.052.642.574</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>35.921.579.557</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	552.737.644
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	805.219.048
IV. Hàng tồn kho	30.435.104.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.128.517.927
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>301.131.063.017</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	10.012.548.701
II. Tài sản cố định	72.243.119.240
III. Tài sản dài hạn khác	218.875.395.076
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>263.386.599.805</b>
I. Nợ ngắn hạn	253.481.184.354
II. Nợ dài hạn	9.905.415.451
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>73.666.042.769</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>73.666.042.769</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	2.532.020.274
3. Lợi nhuận chưa phân phối	21.134.022.495

Trên đây là bản tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2020 (kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 31/12/2020) của Công ty cổ phần 397 đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN****Nguyễn Đình Thuận**

Số: 01/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

**DU THAO**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Thông qua Báo cáo hoạt động động của HĐQT, BKS năm 2020; kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020
- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN CHÍNH**

Số: 02/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

**DU THẢO**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
*V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.*

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 (Công ty) đã lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 cho Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung BCTC năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội, được công bố thông tin theo quy định và đồng thời được đăng tải trên Website <http://www.congtycophan397.com.vn>, bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT



**TRẦN VĂN CHÍNH**

Số: 03/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO****TỜ TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021***V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2020***Đơn vị tính: VNĐ*

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST của Công ty năm 2020	21.134.022.495
2	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tại 31/12/2020	21.134.022.495
3	Phân phối lợi nhuận năm 2020:	21.134.022.495
a	Trích lập các quỹ tại DN (30% LNST)	6.340.206.749
-	Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	2.113.402.250
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST), trong đó:	4.226.804.499
+	Thưởng cho Người quản lý (2,08% LNST)	439.587.668
+	Thưởng cho Người lao động (17,92% LNST)	3.787.216.831
b	Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (70% LNST): tương đương 29,588%/VĐL	14.793.815.746
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021	0

**2. Phương án chi trả cổ tức của năm 2020**

- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 14.793.815.746 đồng
- Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 29,588%/VĐL (01 cổ phiếu được nhận 2.958,8 đồng)
- Thời gian thực hiện: Quý 2 năm 2021
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty xem xét và quyết định:
- + Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho Cổ đông.

- + Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

### 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST của Công ty năm 2021	20.000.000.000
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021:	20.000.000.000
-	Trích Quỹ đầu tư phát triển (10%LNST)	200.000.000
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%LNST), trong đó:	4.000.000.000
+	Thưởng cho Người quản lý (1,58% LNST tương đương 0,63% VDL)	316.500.000
+	Thưởng cho Người lao động (18,41% LNST tương đương 7,36% VDL)	3.683.500.000
-	Dự kiến chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt (70%LNST): tương đương 28%/VDL	14.000.000.000

Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

- Mức tạm ứng cổ tức (nếu có), hình thức chia cổ tức và thời điểm tạm ứng cổ tức.
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN CHÍNH

Số: 04/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

DU THAO

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và thông qua mức đề xuất thù lao năm 2021 cụ thể như sau:

**1. Báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020:**

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao được duyệt (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao đã chi trả năm 2020
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	01	Chuyên trách	
2	Thành viên HĐQT	04	2.500.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>05</b>		<b>120.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng BKS	01	1.500.000	18.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	24.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>03</b>		<b>42.000.000</b>
<b>III</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>			
1	Thư ký	01	1.500.000	18.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>18.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>180.000.000</b>

**2. Đề xuất mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021:**



TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao dự kiến (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao dự kiến năm 2021
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	01	Chuyên trách	
2	Thành viên HĐQT	04	2.500.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>05</b>		<b>120.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng BKS	01	1.500.000	18.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	24.000.000
<b>III</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>			<b>42.000.000</b>
1	Thư ký	01	1.500.000	18.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>18.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>08</b>		<b>180.000.000</b>

Các quyền lợi khác của thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
397  
HÀNG  
T. QUẢNG  
TRIỆU - T. QUẢNG  
M.S.D.N.



TRẦN VĂN CHÍNH

Số: 05/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

**DU THẢO**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.*

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021 của Công ty cổ phần 397 đạt hiệu quả cao nhất. Hội đồng quản trị sau khi thống nhất với Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty chủ động đàm phán và ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán có uy tín trong số các công ty kiểm toán độc lập được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu, thông qua năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp để thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như K/g;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**397**  
**TRẦN VĂN CHÍNH**

Số: 06/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

**DU THAO**

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*V/v: Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.*

*Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần 397.*

Để phù hợp với những quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty cổ phần 397, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận toàn bộ các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, mua dịch vụ, hợp tác; vay, cho vay, cấp bảo lãnh cho các đối tác là người nội bộ (thành viên HĐQT, Ban KS, Ban GD, Kế toán trưởng) và người có liên quan của người nội bộ (theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019) của Công ty cổ phần 397 phát sinh trong năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện các giao dịch nêu trên, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như K/g;
- Lưu: VT



**TRẦN VĂN CHÍNH**

Số: 07/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021



**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020).*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019).*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.*

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020.*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.*

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hội đồng quản trị đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều, khoản của Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các điều khoản như nội dung tại Phụ lục 01 đính kèm tờ trình này. Bản Điều lệ mới này thay thế bản Điều lệ đã ban hành ngày 18/05/2020 và các Phụ lục sửa đổi kèm theo và có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT



**TRẦN VĂN CHÍNH**





CÔNG TY CỔ PHẦN 397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2021/TT-BKS

Đông Triều, ngày tháng năm 2021



**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020).

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019).

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kèm theo Tờ trình này và ủy quyền cho Ban kiểm soát ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**BÙI QUANG HƯNG**

Số: 11/2021/TTr-HĐQT

Đông Triều, ngày tháng năm 2021

**DU THẢO**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*V/v: Ban hành Quy trình Công bố thông tin*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 397**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020).*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019).*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.*

*Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020.*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.*

Để hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân theo các quy định của pháp luật về lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy trình công bố thông tin phù hợp với Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bản dự thảo Quy trình công bố thông tin kèm theo Tờ trình này và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT



**TRẦN VĂN CHÍNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

Địa chỉ: Khu Yên Lãng I, P. Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (020) 32211328

Fax: (020) 33871299

Website: <http://www.congtycophan397.com.vn>



# THẺ BIỂU QUYẾT

(Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần 397 tổ chức ngày 16/04/2021)

Họ và tên đại biểu: .....

Mã số đại biểu: .....

Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

Số cổ phần được uỷ quyền: ..... cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:



# cổ phần

# CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Địa chỉ: Số 251 Khu Vĩnh Tuy II, P. Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (020) 32214329 Fax: (020) 33871299

Website: <http://www.congtycopphan397.com.vn>

## PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty cổ phần 397 ngày 16 tháng 04 năm 2021)

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền:..... Mã số: .....

Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền: .....cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ: ..... cổ phần

### NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

Vấn đề biểu quyết	Tán thành (1)	Không tán thành (2)	Không có ý kiến (3)
Nội dung 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty			
Nội dung 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
Nội dung 6: Thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021			
Nội dung 7: Thông qua việc Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021			
Nội dung 8: Thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021			
Nội dung 9: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty			
Nội dung 10: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			
Nội dung 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
Nội dung 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
Nội dung 13: Thông qua Quy trình Công bố thông tin			

Chữ ký cổ đông/người được ủy quyền  
(ký, đóng dấu, ghi rõ và họ tên)

**Ghi chú:** Mỗi vấn đề sẽ có ba (3) ô để Cổ đông/đại diện theo ủy quyền cho ý kiến biểu quyết. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền đồng ý với ý kiến biểu quyết nào thì đánh dấu nhân (X) vào ô đó và phải bỏ trống toàn bộ hai (2) ô còn lại của vấn đề cần biểu quyết.



Đông Triều, ngày 16 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021 Công ty cổ phần 397 họp ngày 16 tháng 04 năm 2021 bầu vào Ban Kiểm phiếu để kiểm phiếu biểu quyết gồm:

<b>Ông Nguyễn Quy Liên</b>	<b>Trưởng ban</b>
<b>Ông Nguyễn Đình Thuận</b>	<b>Ủy viên</b>
<b>Ông Bùi Hoàng Giang</b>	<b>Ủy viên</b>
<b>Bà Đặng Thị Ngọc Bích</b>	<b>Ủy viên</b>
<b>Ông Trương Trọng Nghĩa</b>	<b>Ủy viên</b>

Ban kiểm phiếu đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết được triệu tập là **308** cổ đông, sở hữu **5.000.000** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tham gia họp ĐHĐCĐ (*trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền*) là ... đại biểu, đại diện sở hữu ... cổ phần, tương đương với ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham gia họp ĐHĐCĐ là ... phiếu biểu quyết từng vấn đề, đại diện cho ... cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, đạt tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**I. ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết các nội dung**

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty;
- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Tờ trình thông qua việc Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021;
- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tờ trình thông qua Quy trình Công bố thông tin.

## II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết

- Tổng số phiếu phát ra: ... phiếu, tương đương ... cổ phần
- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: ... phiếu, tương đương ... cổ phần. Trong đó:

- + Số phiếu biểu quyết hợp lệ: ... phiếu, tương đương ... cổ phần;
- + Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần.

### 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### 3. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### 4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### 5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

#### **6. Ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021**

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

#### **7. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

#### **8. Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021**

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

#### **9. Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung**

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

#### **10. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

#### **11. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### 12. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### 13. Quy trình Công bố thông tin

- Tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Không có ý kiến: ..... phiếu, đại diện ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

### III. Các nội dung được thông qua tại Đại hội

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và kết quả kiểm phiếu nêu trên, Ban Kiểm phiếu xin công bố các nội dung được Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết **Tán thành** như sau:

TT	Tên thành viên	Số CP tán thành	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nội dung 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
2	Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
3	Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
4	Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty			
5	Nội dung 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
6	Nội dung 6: Thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021			
7	Nội dung 7: Thông qua việc Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021			
8	Nội dung 8: Thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm			

	2021			
9	Nội dung 9: Thông qua Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung			
10	Nội dung 10: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			
11	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
12	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
13	Thông qua Quy trình Công bố thông tin			

Biên bản này được lập thành 05 bản lưu vào hồ sơ, tài liệu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397.

*Biên bản này được làm tại: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần 397 được tổ chức tại Hội trường Công ty tại Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.*

**Ủy viên**  
**Ban Kiểm phiếu**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Ủy viên**  
**Ban Kiểm phiếu**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Trưởng**  
**Ban Kiểm phiếu**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Bùi Hoàng Giang**

**Nguyễn Đình Thuận**

**Nguyễn Quy Liên**

**Ủy viên**  
**Ban Kiểm phiếu**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Ủy viên**  
**Ban Kiểm phiếu**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Đặng Thị Ngọc Bích**

**Trương Trọng Nghĩa**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 16 tháng 04 năm 2021

DU THAO

**BIÊN BẢN KỶ HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

**Tên tổ chức** : Công ty cổ phần 397

**Trụ sở chính** : Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**Giấy chứng nhận ĐKKD số:** 5701435907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20 tháng 05 năm 2020).

Hôm nay, ngày 16 tháng 04 năm 2021, vào hồi 07h30' tại Hội trường Công ty cổ phần 397 - Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 được tiến hành với các nội dung sau:

**PHẦN 1: KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**1. Thành phần tham dự Đại hội**

**1.1 Cổ đông và đại diện cổ đông**

Đại hội đã nghe Ông/Bà ... - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 308 người, sở hữu và đại diện cho tổng số 5.000.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (*trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền*) theo kết quả kiểm tra cập nhật đến ...h... là ... đại biểu, đại diện sở hữu ... cổ phần, tương đương với ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần 397.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

**1.2 Khách mời tham dự Đại hội:**

Chỉ huy Tổng Công ty Đông Bắc;

Kiểm soát viên Tổng công ty Đông Bắc;

Các cơ quan chức năng Tổng công ty Đông Bắc.



## 2. Khai mạc Đại hội

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội
- Giới thiệu Ông **Trần Văn Chính** - Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành cuộc họp.
- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và đề xuất Ban Kiểm phiếu để Đại hội lựa chọn.

### 2.1. Chủ tọa và bộ phận giúp việc Chủ tọa

Đại hội đã thông qua Đoàn chủ tịch gồm 03 người:

Ông <b>Trần Văn Chính</b>	Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
Ông <b>Kiều Văn Sinh</b>	Thành viên Đoàn Chủ tịch
Ông <b>Đỗ Đình Kỳ</b>	Thành viên Đoàn Chủ tịch

### 2.2. Ban Thư ký Đại hội

Đại hội đã thông qua Ban Thư ký gồm 02 người:

Ông <b>Đào Vũ Thanh Trung</b>	Trưởng ban
Bà <b>Quách Hồng Phương</b>	Ủy Viên

### 2.3. Ban Kiểm phiếu

Đại hội đã thông qua Ban kiểm phiếu gồm 05 người:

Ông <b>Nguyễn Quy Liên</b>	Trưởng ban
Ông <b>Nguyễn Đình Thuận</b>	Ủy viên
Ông <b>Bùi Hoàng Giang</b>	Ủy viên
Bà <b>Đặng Thị Ngọc Bích</b>	Ủy viên
Ông <b>Trương Trọng Nghĩa</b>	Ủy viên

## 3. Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

Đại hội đã nghe Ông **Đỗ Đình Kỳ** thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc: Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua nội dung Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội.

## PHẦN 2: CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG ĐẠI HỘI

Ông **Trần Văn Chính** - thay mặt Hội đồng quản trị đọc *Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.*

Ông **Kiều Văn Sinh** thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc đọc *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.*

Ông **Bùi Quang Hưng** thay mặt cho Ban kiểm soát đọc *Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.*

Ông **Đỗ Đình Kỳ** thay mặt cho Đoàn chủ tịch đọc nội dung các Tờ trình:

- *Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty.*
- *Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021*

- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
- Tờ trình thông qua việc Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Tờ trình thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021.
- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Tờ trình thông qua Quy trình Công bố thông tin.

### **PHẦN 3: THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI**

### **PHẦN 4: ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT**

ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết nội dung các báo cáo/tờ trình tại Đại hội gồm:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty;
- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Tờ trình thông qua việc Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021;
- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Tờ trình thông qua Quy trình Công bố thông tin.

### **PHẦN 5: KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI**

Ông Nguyễn Quy Liên - Trưởng Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Ông Trần Văn Chính - Chủ tọa Đại hội, căn cứ vào kết quả kiểm phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu thực hiện tuyên bố các vấn đề sau đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua gồm:

#### **1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền*

biểu quyết tham dự Đại hội.

**2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 với một số chỉ tiêu chính như sau:**

• **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:**

- Tổng doanh thu: 707.333.364.125 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 25.115.391.294 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 21.134.022.495 đồng

• **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

- Tổng doanh thu: 950.617.380.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 25.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 20.000.000.000 đồng

Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần 397 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, bao gồm:

- a) Báo cáo của Ban Giám đốc
- b) Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- c) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
- d) Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
- e) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020
- f) Thuyết minh Báo cáo tài chính

Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch 2021 theo đề trình của HĐQT, cụ thể như sau:

**a. Phân phối lợi nhuận năm 2020**

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST của Công ty năm 2020	21.134.022.495
2	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tại 31/12/2020	21.134.022.495
3	Phân phối lợi nhuận năm 2020:	21.134.022.495
a	Trích lập các quỹ tại DN (30% LNST)	6.340.206.749
-	Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	2.113.402.250

-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST), trong đó:	4.226.804.499
+	<i>Thưởng cho Người quản lý (2,08% LNST)</i>	439.587.668
+	<i>Thưởng cho Người lao động (17,92% LNST)</i>	3.787.216.831
b	Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (70% LNST): tương đương 29,588%/VĐL	14.793.815.746
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021	0

**b. Phương án chi trả cổ tức của năm 2020**

- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 14.793.815.746 đồng
- Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 29,588%/VĐL (01 cổ phiếu được nhận 2.958,8 đồng)
- Thời gian thực hiện: Quý 2 năm 2021
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty xem xét và quyết định:
- + Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho Cổ đông.
- + Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

**c. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST của Công ty năm 2021	20.000.000.000
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021:	20.000.000.000
-	Trích Quỹ đầu tư phát triển (10%LNST)	200.000.000
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%LNST), trong đó:	4.000.000.000
+	<i>Thưởng cho Người quản lý (1,58% LNST tương đương 0,63% VĐL)</i>	316.500.000
+	<i>Thưởng cho Người lao động (18,41% LNST tương đương 7,36% VĐL)</i>	3.683.500.000
-	Dự kiến chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt (70%LNST): tương đương 70%/VĐL	14.000.000.000

Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

- Mức tạm ứng cổ tức (nếu có), hình thức chia cổ tức và thời điểm tạm ứng cổ tức.
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán có uy tín trong số các công ty kiểm toán độc lập được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 để thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**7. Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và mức đề xuất thù lao cho năm 2021, cụ thể như sau:

**❖ Báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020**

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao được duyệt (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao đã chi trả năm 2020
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	01	Chuyên trách	
2	Thành viên HĐQT	04	2.500.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>05</b>		<b>120.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng BKS	01	1.500.000	18.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	24.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>03</b>		<b>42.000.000</b>
<b>III</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>			
1	Thư ký	01	1.500.000	18.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>18.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>180.000.000</b>

**❖ Đề xuất mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021**

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao dự kiến (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao dự kiến năm 2021
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	01	Chuyên trách	

2	Thành viên HĐQT	04	2.500.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>05</b>		<b>120.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng BKS	01	1.500.000	18.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	24.000.000
<b>III</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>			<b>42.000.000</b>
1	Thư ký	01	1.500.000	18.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>18.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>08</b>		<b>180.000.000</b>

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

#### **8. Thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua toàn bộ các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, mua dịch vụ, hợp tác; vay, cho vay, cấp bảo lãnh cho các đối tác là người nội bộ (thành viên HĐQT, Ban KS, Ban GD, Kế toán trưởng) và người có liên quan của người nội bộ (theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019) của Công ty cổ phần 397 phát sinh trong năm 2021.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và giám sát Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện các giao dịch nêu trên, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

#### **9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua các nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Tờ trình số 07/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

#### **10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 08/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

#### **11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

### **12. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 10/2021/TTr-BKS ngày .../03/2021 của Ban kiểm soát.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

### **13. Thông qua Quy trình Công bố thông tin**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Quy trình Công bố thông tin theo Tờ trình số 11/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

### **PHẦN 6: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

Ông **Đào Vũ Thanh Trung** - Trưởng Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Chủ tọa Đại hội - Ông **Trần Văn Chính** tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập lúc ...h... ngày 16/04/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**ĐÀO VŨ THANH TRUNG**

**TRẦN VĂN CHÍNH**

Số: ...../2021/NQ-ĐHĐCD

Đông Triều, ngày 16 tháng 04 năm 2021

**DU THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020).*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019).*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần 397 ngày 15/05/2020.*

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 ngày 16 tháng 04 năm 2021 đã nhất trí quyết nghị thông qua nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính như sau:

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCD nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021 đã được trình bày tại Đại hội.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCD nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Giám đốc đã được trình bày tại Đại hội với một số chỉ tiêu chính như sau:

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:**

- Tổng doanh thu: 707.333.364.125 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 25.115.391.294 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 21.134.022.495 đồng

**2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**



- Tổng doanh thu: 950.617.380.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 25.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 20.000.000.000 đồng

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 đã được trình bày tại Đại hội.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần 397**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần 397 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch 2021 theo đề trình của HĐQT, cụ thể như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2020**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST của Công ty năm 2020	21.134.022.495
2	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tại 31/12/2020	21.134.022.495
3	Phân phối lợi nhuận năm 2020:	21.134.022.495
a	Trích lập các quỹ tại DN (30% LNST)	6.340.206.749
-	Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	2.113.402.250
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST), trong đó:	4.226.804.499

+	<i>Thưởng cho Người quản lý (2,08% LNST)</i>	439.587.668
+	<i>Thưởng cho Người lao động (17,92% LNST)</i>	3.787.216.831
b	Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (70% LNST): tương đương 29,588%/VĐL	14.793.815.746
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021	0

## 2. Phương án chi trả cổ tức của năm 2020

- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 14.793.815.746 đồng
- Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 29,588%/VĐL (01 cổ phiếu được nhận 2.958,8 đồng)
- Thời gian thực hiện: Quý 2 năm 2021
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty xem xét và quyết định:
- + Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho Cổ đông.
- + Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

## 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST của Công ty năm 2021	20.000.000.000
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021:	20.000.000.000
-	Trích Quỹ đầu tư phát triển (10%LNST)	200.000.000
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%LNST), trong đó:	4.000.000.000
+	<i>Thưởng cho Người quản lý (1,58% LNST tương đương 0,63% VĐL)</i>	316.500.000
+	<i>Thưởng cho Người lao động (18,41% LNST tương đương 7,36% VĐL)</i>	3.683.500.000
-	Dự kiến chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt (70%LNST): tương đương 28%/VĐL	14.000.000.000

Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

- Mức tạm ứng cổ tức (nếu có), hình thức chia cổ tức và thời điểm tạm ứng cổ tức.
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

## Điều 6: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một

đơn vị kiểm toán có uy tín trong số các công ty kiểm toán độc lập được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 để thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 7: Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và mức đề xuất thù lao cho năm 2021, cụ thể như sau:

**1. Báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020:**

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao được duyệt (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao đã chi trả năm 2020
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	01	Chuyên trách	
2	Thành viên HĐQT	04	2.500.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>05</b>		<b>120.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng BKS	01	1.500.000	18.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	24.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>03</b>		<b>42.000.000</b>
<b>III</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>			
1	Thư ký	01	1.500.000	18.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>18.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>180.000.000</b>

**2. Đề xuất mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021:**

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao dự kiến (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao dự kiến năm 2021
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	01	Chuyên trách	

2	Thành viên HĐQT	04	2.500.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>05</b>		<b>120.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng BKS	01	1.500.000	18.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	24.000.000
<b>III</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>			<b>42.000.000</b>
1	Thư ký	01	1.500.000	18.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>18.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>08</b>		<b>180.000.000</b>

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 8: Thông qua Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021**

DHĐCĐ nhất trí thông qua toàn bộ các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, mua dịch vụ, hợp tác; vay, cho vay, cấp bảo lãnh cho các đối tác là người nội bộ (thành viên HĐQT, Ban KS, Ban GD, Kế toán trưởng) và người có liên quan của người nội bộ (theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019) của Công ty cổ phần 397 phát sinh trong năm 2021.

DHĐCĐ ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện các giao dịch nêu trên, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 9: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

DHĐCĐ nhất trí thông qua các nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Tờ trình số 07/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 10: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

DHĐCĐ nhất trí thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 08/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 10/2021/TTr-BKS ngày .../03/2021 của Ban kiểm soát.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 13: Thông qua Quy trình Công bố thông tin**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Quy trình Công bố thông tin theo Tờ trình số 11/2021/TTr-HĐQT ngày .../03/2021 của Hội đồng quản trị.

*Biểu quyết thông qua với ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 14: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16/04/2021.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng/ban/đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Các cổ đông, Website;
- Lưu: VT; TCLĐ.



**TRẦN VĂN CHÍNH**

## CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (020) 32211329

Fax: (020) 33871299

Website: <http://www.congtycophan397.com.vn>

### THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần 397**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 trân trọng thông báo mời họp đến Quý Cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian: 07h30' Thứ Sáu, ngày 16/04/2021

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần 397 tại Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

3. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 25/03/2021 do TTLKCK Việt Nam cung cấp hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty.
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.
- Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021.
- Thông qua việc Giao dịch giữa các bên liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

5. Đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu gửi kèm) và gửi về Công ty theo đường bưu điện hoặc gửi fax đến Công ty trước 11h30' ngày 13/04/2021 theo địa chỉ:

**Phòng Tổ chức Lao động - Công ty cổ phần 397**

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: (020) 32211329

Fax: (020) 33871299

Người liên hệ: Ông Trần Tiến Trung

Điện thoại: 0989565592

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Giấy tờ tùy thân và bản gốc giấy ủy quyền để đăng ký tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

6. Tài liệu Đại hội: Các tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ sẽ được Công ty đăng tải trên website <http://www.congtycophan397.com.vn> kể từ ngày 26/03/2021.

Thông báo này thay cho Giấy mời họp. mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự chi trả.

**Trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự!**



## CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (020) 32241329

Fax: (020) 33871299

Website: <http://www.congtycopphan397.com.vn>



### THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần 397

Họ tên/Công ty: .....

Số CMND/HC/ĐKKD: ..... Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 được tổ chức vào **07h30' - Thứ Sáu, ngày 16/04/2021** tại Hội trường Công ty cổ phần 397 - Khu Yên Lãng 1, P. Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, với:

Số cổ phần biểu quyết là: .....

(Bằng chữ: .....)

cổ  
phần

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:..... cổ phần.

- Số cổ phần được uỷ quyền:..... cổ phần.

(Gửi kèm theo đây Bản Giấy uỷ quyền).

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội.

Trân trọng cảm ơn!

**Cổ đông/Đại diện uỷ quyền**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN**

(Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần 397)

(Dùng cho cổ đông là cá nhân)

1. Tôi tên:..... là cổ đông của Công ty cổ phần 397  
CMND số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ: .....  
Sở hữu số cổ phần (mệnh giá 10.000 đ/1 CP) là : .....  
Bằng chữ : .....

**Nay ủy quyền cho:**

2. Ông/Bà: .....  
Mã cổ đông số (nếu có): .....  
CMND số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT có tên dưới đây (vui lòng đánh dấu vào thành viên mà Quý Cổ đông ủy quyền):

- |                         |                 |                          |
|-------------------------|-----------------|--------------------------|
| 1. Ông Trần Văn Chính   | Chủ tịch HĐQT   | <input type="checkbox"/> |
| 2. Ông Kiều Văn Sính    | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |
| 3. Ông Đỗ Đình Kỳ       | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |
| 4. Ông Văn Trung Tuyển  | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |
| 5. Ông Nguyễn Đình Thao | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |

Thay tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của **Công ty cổ phần 397** và đại diện tôi thực hiện quyền biểu quyết với tất cả số cổ phần mà tôi sở hữu vào ngày kết sổ theo quy định.

**Ông/Bà** ..... có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên nói trên.

....., ngày ... tháng ... năm 2021

**Bên nhận ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Bên ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Người nhận ủy quyền khi đến dự Đại hội mang theo giấy tờ tùy thân.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN**

(Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

**Công ty cổ phần 397**)

(Dùng cho cổ đông là tổ chức)

1. Tên tổ chức: ..... là cổ đông của Công ty cổ phần 397.

Giấy phép thành lập/ Giấy CNĐKKD số:.....

Do: ..... Cấp ngày: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Sở hữu số cổ phần (mệnh giá 10.000 đ/1 CP) là :.....

Bằng chữ :.....

**Nay ủy quyền cho:**

2. Ông/Bà: .....

Mã cổ đông số (nếu có): .....

CMND số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT có tên dưới đây (vui lòng đánh dấu vào thành viên mà Quý Cổ đông ủy quyền):

- |                         |                 |                          |
|-------------------------|-----------------|--------------------------|
| 1. Ông Trần Văn Chính   | Chủ tịch HĐQT   | <input type="checkbox"/> |
| 2. Ông Kiều Văn Sinh    | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |
| 3. Ông Đỗ Đình Kỳ       | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |
| 4. Ông Văn Trung Tuyển  | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |
| 5. Ông Nguyễn Đình Thao | Thành viên HĐQT | <input type="checkbox"/> |

Thay Công ty tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần 397 và đại diện Công ty biểu quyết với tất cả số cổ phần mà chúng tôi sở hữu vào ngày chốt sổ theo quy định.

**Ông/Bà** ..... có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên nói trên.

....., ngày .....tháng ..... năm 2021

**Bên nhận ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Bên ủy quyền**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Người nhận ủy quyền khi đến dự Đại hội mang theo giấy tờ tùy thân.



CÔNG TY CỔ PHẦN 397



**DỰ THẢO**  
**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**NĂM 2021**

*Đông Triều, ngày 16 tháng 4 năm 2021*

**DU THAO**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2021/QĐ-BKS ngày ... tháng 04 năm 2021  
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần 397)*

**Căn cứ:**

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp).

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần 397.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần 397 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**Chương II**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

**Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm

soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

**Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

**Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

**Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**



1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà

các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

**Chương IV  
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

**Chương V  
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

**Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ

với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

**Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần 397 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN CHÍNH**





**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**



**DỰ THẢO  
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN NỘI BỘ  
NĂM 2021**

Số: .../BCB-QTCBTT

Đông Triều, ngày ... tháng 03 năm 2021



**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN NỘI BỘ  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2021/QĐ-HĐQT ngày ... tháng 04 năm 2021  
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397)*

**Căn cứ:**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020).

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019).

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy trình Công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần 397.

Quy trình Công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần 397 bao gồm các nội dung sau:

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi áp dụng:**

Quy trình này áp dụng cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các phòng ban, các chi nhánh, tổ chức và cá nhân trực thuộc Công ty cổ phần 397 (sau đây gọi là các bộ phận có liên quan).

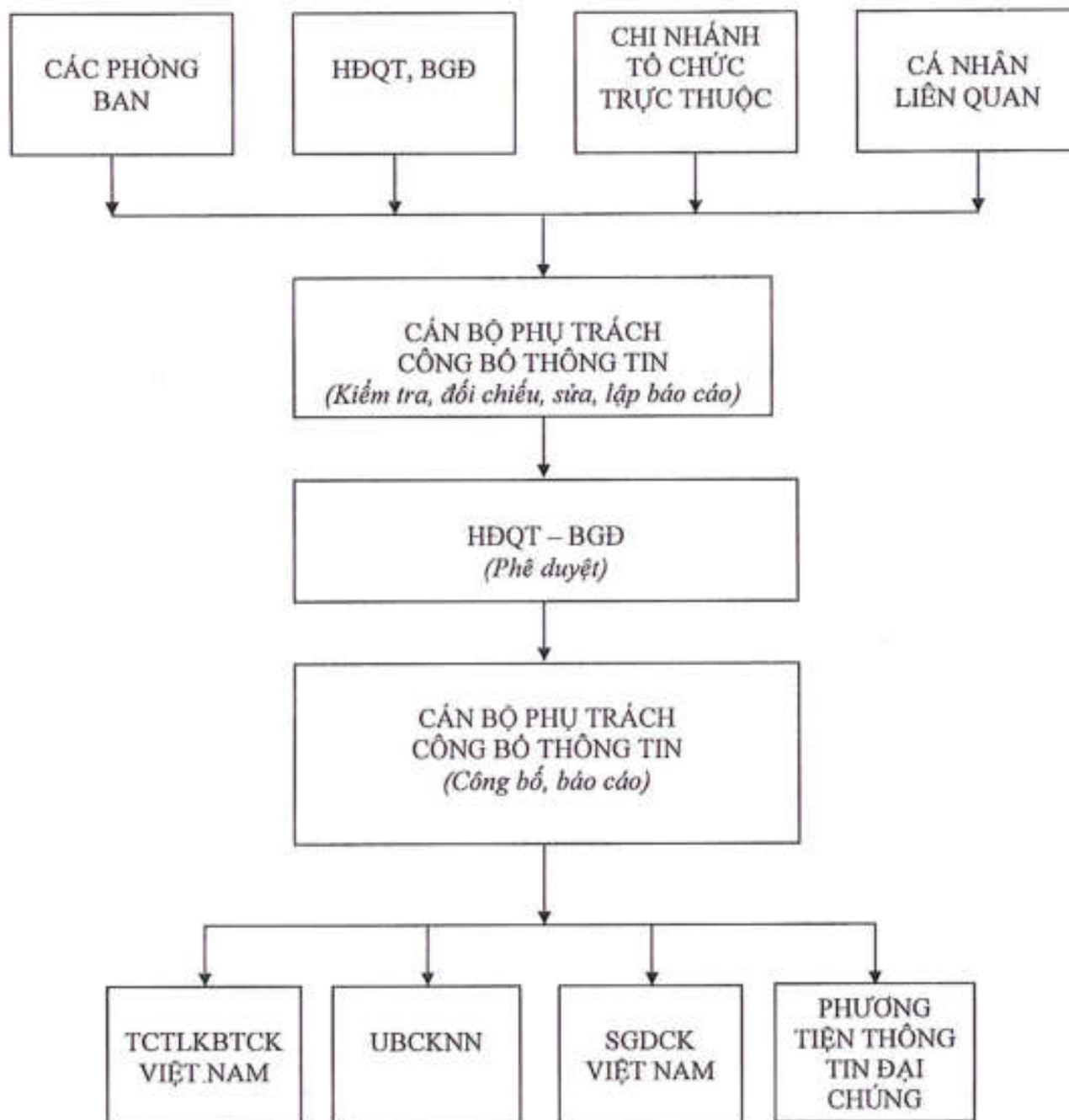
**2. Cán bộ phụ trách công bố thông tin:**

- Việc công bố thông tin của Công ty cổ phần 397 phải do Giám đốc hoặc Cán bộ phụ trách công bố thông tin được ủy quyền thực hiện. Giám đốc phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Cán bộ phụ trách công bố thông tin được ủy quyền công bố.
- Việc ủy quyền thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo Mẫu tại Phụ lục 01 – Giấy ủy quyền thực hiện CBTT ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **3. Hình thức cung cấp thông tin:**

Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc công bố đều được đăng tải đầy đủ và kịp thời tại Chuyên mục quan hệ cổ đông của trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần 397, cũng như được thực hiện bằng văn bản và dữ liệu điện tử nội dung công bố theo yêu cầu gửi tới Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (SGDCK Việt Nam)/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)/Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (TCTLKBTCK Việt Nam).

## II. SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN NỘI BỘ CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

### **III. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Bước 1: Gửi thông tin**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo, công bố theo nội dung hướng dẫn tại “*Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần 397*” và mẫu tại “*Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*” gửi Cán bộ phụ trách CBTT của Công ty hoặc thông báo trực tiếp cho Cán bộ phụ trách CBTT.

#### **Bước 2: Xử lý thông tin**

Cán bộ phụ trách CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung báo cáo, công bố; đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin; chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo, công bố theo hướng dẫn tại “*Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần 397*” và mẫu tại “*Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”.

#### **Bước 3: Trình Lãnh đạo phê duyệt**

Cán bộ phụ trách CBTT trình Giám đốc ký và đóng dấu báo cáo, công bố trước khi thực hiện công bố. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, Cán bộ phụ trách CBTT trình Lãnh đạo có thẩm quyền ký và đóng dấu để thực hiện công bố.

#### **Bước 4: Báo cáo và Công bố**

Cán bộ phụ trách CBTT gửi 01 (một) bản chính của báo cáo công bố kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN; 01 (một) bản chính của báo cáo công bố kèm dữ liệu điện tử đến SGDCK Việt Nam/TCTLKBTCK Việt Nam; cung cấp đầy đủ thông tin báo cáo lên trang tin điện tử của Công ty cổ phần 397 theo đúng thời hạn quy định đối với nghĩa vụ công bố thông tin đã hướng dẫn trong “*Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần 397*” và theo “*Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”.

Thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK Việt Nam, UBCKNN theo hướng dẫn trong “*Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty cổ phần 397*” và theo hướng dẫn tại “*Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày*

16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

#### **Bước 5: Bảo quản và Lưu trữ thông tin**

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tối thiểu 10 (mười) năm để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

### **IV. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG**

Đối với việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng tại mục số IV này, Công ty cổ phần 397 xây dựng và quy định cụ thể nội dung, quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận liên quan (phải tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán) trong việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới một số hình thức như: *Trả lời phỏng vấn, đưa thông tin và các bài viết về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.*

### **V. TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **1. Bảo lưu chưa công bố thông tin**

Trong trường hợp cần thiết phải bảo lưu chưa công bố thông tin, Cán bộ phụ trách công bố thông tin thực hiện Công văn trình Giám đốc ký đề nghị bảo lưu chưa công bố thông tin gửi UBCKNN xem xét chấp thuận.

#### **2. Tạm hoãn công bố thông tin**

Trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng, Cán bộ phụ trách công bố thông tin lập báo cáo trình Giám đốc ký báo cáo UBCKNN, SGDCK Việt Nam/TCTLKBTK Việt Nam và thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN CHÍNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN 397



**DỰ THẢO**  
**NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**NĂM 2021**

Đông Triều, ngày 16 tháng 4 năm 2021



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2021/QĐ-HĐQT ngày ... tháng 04 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397)*

**Căn cứ:**

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp).

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần 397.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần 397 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**



1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị nội bộ công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch các hoạt động của công ty;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

b) “Công ty” là Công ty cổ phần 397;

c) “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông;

d) “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty;

e) “BKS” là Ban kiểm soát Công ty;

f) “GD” là Giám đốc Công ty;

g) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

h) “Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

i) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

j) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
  - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
  - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
  - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Chương III****TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA  
NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI  
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty.

**Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp**

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách).

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website Công ty và gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật chứng khoán.

**Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

**Điều 8. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ**

Thực hiện theo khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

**Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ công ty, phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

2. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

**Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp ĐHĐCĐ.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

3. Trước khi tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

**Điều 11. Điều kiện tiến hành**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

**Điều 13. Cách thức bỏ phiếu**

1. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt trước khi cuộc họp khai mạc. Trường hợp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

- a) Bỏ phiếu biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu.
- b) Bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu (áp dụng cho trường hợp bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS).

**Điều 14. Cách thức kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ**

1. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.

- 2. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.
- 3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.
- 4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

**Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Sau khi hoàn tất quá trình kiểm phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu.

2. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

#### **Điều 17. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

**Điều 18. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

**Điều 19. Công bố Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ**

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 20. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

HDQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

HDQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

**Chương IV**

**VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;



- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy trình về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được

cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty như sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

## **Chương V**

### **ĐỀ CỬ, ÚNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

**Điều 24. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT**

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

**Điều 25. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

1. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

**Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công

bổ tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

**Điều 30. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

**Chương VI  
CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

**Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty

**Chương VII**

**TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 32. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

**Điều 33. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

1. Hội đồng quản trị họp bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

**Điều 34. Thông báo họp HĐQT**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

**Điều 35. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**Điều 36. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

**Điều 37. Cách thức biểu quyết**

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

**Điều 38. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Điều 39. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

**Điều 40. Lập biên bản họp HĐQT**

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

**Điều 41. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT**

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 40 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực

**Điều 42. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT**

Nghị quyết, quyết định HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Chương VIII**



**CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 43. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác và phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.

**Điều 44. Cơ cấu và tiêu chuẩn của các tiểu ban**

1. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.

2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban do HĐQT quyết định.

**Điều 45. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT**

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

**Chương IX****NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY****Điều 46. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

**Điều 47. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

**Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện trong nội bộ Công ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Chương X  
BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 51. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 52. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

**Điều 54. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 55. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu đơn phiếu được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 26 Quy chế này.

**Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng hoặc nghĩa vụ Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

**Điều 57. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 58. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát**

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp.

**Chương XI  
GIÁM ĐỐC**

**Điều 59. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc**

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 60. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc**

1. Bổ nhiệm Giám đốc: HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc.

2. Miễn nhiệm Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

3. Công ty ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

**Điều 61. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc.

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

**Điều 62. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc**

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 63. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc**

1. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Thù lao của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Chương XII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

**Điều 64. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc**

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS như đối với các thành viên HĐQT. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. HĐQT có thể mời thành viên Ban GD tham dự cuộc họp HĐQT, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho BKS, GD cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.

**Điều 65. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS, GD**

Tất cả các nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho BKS và GD trong vòng ba (03) ngày kể từ khi ban hành.

**Điều 66. Các trường hợp GD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của BKS và GD. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

**Điều 67. Báo cáo của GD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. GD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Báo cáo của GD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

**Điều 68. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với GD**

Hàng quý, căn cứ vào kết quả thực hiện, HĐQT tổ chức họp kiểm điểm đối với GD về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với GD theo quy định nội bộ Công ty.

**Điều 69. Các vấn đề GD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

1. Các vấn đề GD phải báo cáo:

a) Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, GD trình HĐQT kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty;

b) Báo cáo kế hoạch kinh doanh - dự toán ngân sách, báo cáo tài chính quý, năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính;

c) Các báo cáo khác khi được yêu cầu.

2. GD phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lí do chính đáng khi HĐQT hoặc BKS yêu cầu GD cung cấp thông tin. Tất cả các thông báo cho HĐQT và BKS phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến HĐQT, BKS trong thời gian sớm nhất.

**Điều 70. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và GD**

1. Các thành viên HĐQT, BKS và GD thường xuyên trao đổi công việc và thông tin, hỗ trợ và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên theo đúng quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên HĐQT, BKS, GD không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bên.

3. Trong các cuộc họp của BKS, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, GD, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

4. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của các thành viên HĐQT, GD và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả,

BKS có trách nhiệm báo cáo HĐQT về vấn đề này. đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật

**Chương XIII**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 71. Giám sát**

1. Căn cứ vào nội quy của Công ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật và căn cứ theo kết quả đánh giá của HĐQT, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, GD và người điều hành khác của doanh nghiệp có thành tích trong công tác quản lý, điều hành.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, HĐQT sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành Quyết định kỷ luật.

**Chương XIV**

**BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 72. Báo cáo và công bố thông tin**

Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật và quy trình công bố thông tin của Công ty.

**Chương XV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 74. Hiệu lực thi hành**



Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần 397 gồm 15 chương 74 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành Quy chế.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**



**DỰ THẢO  
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NĂM 2021**

*Đông Triều, ngày 16 tháng 4 năm 2021*

**DU THẢO**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2021/QĐ-HĐQT ngày ... tháng 04 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397)*

**Căn cứ:**

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp).

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

**Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu



thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

**Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy trình về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

**Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Chương IV  
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.



2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**Chương VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRẦN VĂN CHÍNH**